

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỒ SƠ MỜI THẦU
MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT**

**Dự án: Khu đô thị cao cấp Mê Linh tại các xã
Đại Thịnh, Thanh Lâm, Mê Linh, huyện Mê Linh**

Bên mời thầu:

Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU
MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT

Tên dự án: Khu đô thị cao cấp Mê Linh tại các xã Đại Thịnh,
Thanh Lâm, Mê Linh, huyện Mê Linh

Phát hành ngày: ... / ... / 2025

Ban hành kèm Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../2025
theo Quyết định: của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Tư vấn lập hồ sơ mời thầu


TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồng Chuyên

Bên mời thầu


CHỦ TỊCH
Hoàng Anh Tuấn

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT	4
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	5
PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ.....	6
Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư	6
Chương II. Bảng dữ liệu	34
Chương III. Đánh giá hồ sơ dự thầu	46
Chương IV. Biểu mẫu dự thầu	76
PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	101
PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG	120

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Thông tin gồm quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.

Chương II. Bảng dữ liệu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng dự án cụ thể.

Chương III. Đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương này quy định phương pháp, tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ dự thầu.

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Chương này gồm các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ dự thầu.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời thầu, Tổ chuyên gia căn cứ nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư để xác định yêu cầu thực hiện dự án.

PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các nội dung của dự thảo hợp đồng và biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu
CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023
Nghị định số 115/2024/NĐ-CP	Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nội dung lựa chọn nhà đầu tư	1.1. Bên mời thầu với tên và địa chỉ quy định tại BDL mời nhà đầu tư quan tâm nộp HSDT đối với dự án được mô tả trong Phần 2 – Yêu cầu thực hiện dự án. 1.2. Tổng vốn đầu tư dự án được quy định tại BDL. 1.3. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay của nhà đầu tư được quy định tại BDL. 1.4. Các thông tin cơ bản về dự án được quy định tại BDL.
2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu	Hành vi bị cấm trong đấu thầu gồm các hành vi theo quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu.
3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư	Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 3.1. Đối với nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tổ chức khác đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài; 3.2. Hạch toán tài chính độc lập; 3.3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; 3.4. Có tên trên Hệ thống trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư; 3.5. Bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 6 của Luật Đấu thầu và Điều 5 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, thông tin về các nhà thầu tư vấn theo BDL; 3.6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu;

	3.7. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; 3.8. Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. 3.9. Không trong thời gian bị cấm hoạt động kinh doanh bất động sản, bị tạm ngừng, bị đình chỉ hoạt động theo bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản (áp dụng đối với dự án bất động sản).
4. Nội dung HSMT	4.1. HSMT gồm có Phần 1, Phần 2, Phần 3 và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNĐT (nếu có), trong đó gồm các nội dung sau đây: a) Phần 1. Thủ tục lựa chọn nhà đầu tư - Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư - Chương II. Bảng dữ liệu - Chương III. Đánh giá HSDT - Chương IV. Biểu mẫu dự thầu b) Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án c) Phần 3. Dự thảo hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng 4.2. Thông báo mời thầu do bên mời thầu đăng tải chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMT. 4.3. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi HSMT không do bên mời thầu cung cấp. 4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, BDL, biểu mẫu, yêu cầu về thực hiện dự án và các yêu cầu khác trong HSMT để chuẩn bị HSDT.
5. Làm rõ HSMT, hội nghị tiền đấu thầu	5.1. Trường hợp cần làm rõ HSMT thì nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ trực tiếp đến bên mời thầu để xem xét, xử lý. 5.2. Thời hạn tối thiểu để nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ theo quy định tại Mục 5.1 CDNĐT quy định tại BDL.

	5.3. Việc làm rõ HSMT được bên mời thầu thực hiện theo một trong các hình thức sau đây: a) Đăng tải nội dung làm rõ trên Hệ thống; b) Trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị tiền đấu thầu theo quy định tại BDL để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà nhà đầu tư chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được bên mời thầu lập thành biên bản làm rõ HSMT và phải được đăng tải trên Hệ thống. Để tạo điều kiện thuận lợi cho bên mời thầu trả lời yêu cầu làm rõ HSMT, nhà đầu tư nên gửi yêu cầu làm rõ đến bên mời thầu trước ngày tổ chức hội nghị tiền đấu thầu. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu cần nêu rõ nội dung các câu hỏi của nhà đầu tư và nội dung câu trả lời của bên mời thầu nhưng không nêu tên nhà đầu tư có câu hỏi. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà đầu tư. 5.4. Bên mời thầu làm rõ HSMT khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ trong thời hạn nêu trên. Nội dung làm rõ HSMT phải được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu. 5.5. Nội dung làm rõ HSMT không được trái với nội dung của HSMT đã được đăng tải trên Hệ thống. Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Mục 7 CDNĐT. 5.6. Văn bản làm rõ HSMT là một phần của HSMT.
6. Khảo sát hiện trường	6.1. Nhà đầu tư được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư cam kết rằng bên mời thầu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường theo quy định tại BDL. 6.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho bên mời thầu về

	việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.
7. Sửa đổi HSMT	7.1. Trường hợp sửa đổi HSMT sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải trên Hệ thống quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi HSMT, HSMT đã được sửa đổi. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Quyết định sửa đổi HSMT là một phần của HSMT. Nhà đầu tư có trách nhiệm thường xuyên truy cập vào Hệ thống để cập nhật các thông tin về HSMT. 7.2. Thời gian đăng tải quyết định sửa đổi HSMT theo quy định tại BDL. Trường hợp thời gian đăng tải quyết định sửa đổi HSMT không đáp ứng theo quy định nêu trên thì bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian tại Mục này. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 21.2 CDNĐT.
8. Chi phí dự thầu	Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT. Trong mọi trường hợp, bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà đầu tư.
9. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ quy định tại BDL .
10. Thành phần của HSDT	10.1. HSDT gồm: - Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; - Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; - Giấy ủy quyền ký đơn dự thầu theo quy định tại Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu; - Thỏa thuận liên danh theo quy định tại Mẫu số 03 Chương IV– Biểu mẫu dự thầu; - Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17 CDNĐT; - Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 12 CDNĐT; - Đề xuất về kỹ thuật theo quy định tại Mục 13 CDNĐT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ

	thông tin theo quy định tại Mục 15 CDNĐT. 10.2. Đề xuất thay thế phương án đầu tư kinh doanh trong HSDT theo quy định tại Mục 14 CDNĐT. 10.3. Các nội dung khác nêu tại BDL.
11. Đơn dự thầu	11.1. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền. Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu) phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu. 11.2. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên được phân công thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 11.1 CDNĐT.
12. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư	12.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại BDL. 12.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư gồm: a) Năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu số 06, 07 và 08 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Trường hợp đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm không phải đồng tiền theo quy

	định tại BDL thì khi lập HSDT, nhà đầu tư phải quy đổi về đồng tiền tương ứng theo quy định tại Mục này để làm cơ sở đánh giá HSDT; trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này thì nhà đầu tư sử dụng đồng tiền trung gian theo quy định tại BDL để làm cơ sở quy đổi và kê khai trong HSDT; b) Các tài liệu khác theo quy định tại BDL.
13. Thành phần đề xuất về kỹ thuật	Trong HSDT, nhà đầu tư phải nộp một đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh gồm các nội dung theo quy định tại BDL và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.
14. Đề xuất thay thế phương án đầu tư kinh doanh	14.1. Nhà đầu tư được đề xuất thay thế phương án đầu tư kinh doanh. 14.2. Nhà đầu tư phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án đầu tư kinh doanh.
15. Thành phần đề xuất về tài chính	15.1. Trong HSDT, nhà đầu tư phải nộp một đề xuất về hiệu quả sử dụng đất gồm các nội dung theo quy định tại BDL và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. 15.2. Nhà đầu tư phải có trách nhiệm hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT trên cơ sở phương án đầu tư kinh doanh và giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả sử dụng đất trong đơn dự thầu gồm: Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả sử dụng đất trong đơn dự thầu.
16. Đồng tiền dự thầu	16.1. Đồng tiền dự thầu theo quy định tại BDL. 16.2. Đối với chi phí trong nước liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, nhà đầu tư phải chào thầu bằng Đồng Việt Nam. 16.3. Đối với chi phí ở nước ngoài liên quan đến việc đầu tư kinh doanh, nhà đầu tư được chào thầu bằng đồng tiền nước ngoài, Đồng Việt Nam.
17. Bảo đảm dự thầu	17.1. Khi tham dự thầu, nhà đầu tư phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại BDL. 17.2. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp

	bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên liên danh sẽ thực hiện riêng bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn giá trị yêu cầu quy định tại Mục 17.1 CDNĐT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn giá trị yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNĐT. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 17.3. Bảo đảm dự thầu được coi là hợp lệ theo quy định tại điểm đ khoản 1.2 Mục 1 Chương III – Đánh giá hồ sơ dự thầu. 17.4. Trường hợp nhà đầu tư được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực. Nhà đầu tư không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa theo quy định tại BDL. 17.5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây: a) Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà đầu tư rút HSDT hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT; b) Nhà đầu tư có hành vi vi phạm tại Điều 16 của Luật Đấu
--	---

	thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và đ Mục 33.1 CDNĐT; c) Nhà đầu tư không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 CDNĐT; d) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng; đ) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.
18. Thời gian có hiệu lực của HSDT	18.1. HSDT phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL. HSDT có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá. 18.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà đầu tư gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nhà đầu tư chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.
19. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT	19.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSDT gồm: 01 bản gốc HSDT và một số bản chụp HSDT theo số lượng quy định tại BDL. Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT. Trường hợp có phương án đầu tư kinh doanh thay thế theo quy định tại Mục 14 CDNĐT thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại BDL. 19.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp

	hạng nhà đầu tư thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì HSDT của nhà đầu tư đó bị loại. 19.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên và đóng dấu (nếu có). 19.4. Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì các nội dung của HSDT nêu tại Mục 10.1 CDNĐT phải được đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh được phân công thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm tại văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). 19.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.
20. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT	20.1. Bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”. Trường hợp nhà đầu tư có sửa đổi, thay thế HSDT thì hồ sơ sửa đổi, thay thế phải được đựng trong các túi riêng biệt; bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ “HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”; đồng thời đánh dấu rõ các bản gốc, bản chụp tương ứng. Các túi đựng: HSDT, HSDT sửa đổi, HSDT thay thế, phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà đầu tư. 20.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải ghi đầy đủ các thông tin: a) Tên và địa chỉ của nhà đầu tư; b) Tên người nhận là tên bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT;

	c) Tên dự án theo quy định tại Mục 1.4 CDNĐT; d) Ghi dòng chữ cảnh báo: “không được mở trước thời điểm mở HSDT” đối với túi đựng HSDT và túi đựng HSDT sửa đổi, HSDT thay thế (nếu có). 20.3. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà đầu tư cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của bên mời thầu được thuận tiện, bảo đảm sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát. 20.4. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại Mục 20.1 và Mục 20.2 CDNĐT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng quy định nêu trên.
21. Thời điểm đóng thầu	21.1. Nhà đầu tư nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT nhưng phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định tại BDL. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả nhà đầu tư nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu và quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà đầu tư phải trả cho bên mời thầu khoản tiền bằng giá bán HSMT nêu tại BDL trước khi HSDT được tiếp nhận. 21.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu trong trường hợp sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.2 CDNĐT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của bên mời thầu và nhà đầu tư theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn. 21.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, bên mời thầu đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia

	hạn trên Hệ thống. Thông báo gia hạn nêu rõ lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới. Trong thời gian gia hạn thời điểm đóng thầu, nhà đầu tư đã nộp HSDT có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung. Trường hợp nhà đầu tư chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì bên mời thầu quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.
22. HSDT nộp muộn	HSDT hoặc các tài liệu được nhà đầu tư gửi bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, không được mở và bị loại, trừ tài liệu làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư. HSDT hoặc các tài liệu được nhà đầu tư gửi bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư.
23. Sửa đổi, thay thế, rút HSDT	23.1. Sau khi nộp HSDT, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế, rút HSDT bằng cách gửi văn bản đề nghị do đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) đến bên mời thầu. Nhà đầu tư phải gửi kèm theo các tài liệu theo quy định tại Mục 11 CDNĐT chứng minh tư cách hợp lệ của của người ký văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT. 23.2. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau: a) Được nhà đầu tư chuẩn bị và nộp cho bên mời thầu theo quy định tại Mục 19 và Mục 20 CDNĐT; b) Được bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNĐT. 23.3. Văn bản đề nghị rút HSDT phải bảo đảm được bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNĐT. HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút sẽ được trả lại cho nhà đầu tư.
24. Bảo mật	24.1. Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các HSDT đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT phải được giữ bí mật và không được phép tiết

	lộ cho các nhà đầu tư hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDT. 24.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 25 CDNDT, nhà đầu tư không được phép tiếp xúc với bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến dự án trong suốt thời gian từ khi mở HSDT cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư.
25. Làm rõ HSDT	25.1. Sau khi mở thầu, trường hợp HSDT của nhà đầu tư thiếu tài liệu về tư cách hợp lệ, báo cáo tài chính, tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự thì bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ HSDT khi bên mời thầu có yêu cầu. Việc làm rõ các nội dung về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư tham dự thầu. Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư (thời hạn này phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm nhà đầu tư có đủ thời gian chuẩn bị các tài liệu làm rõ HSDT). Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà đầu tư không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà đầu tư theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Trong thời hạn theo quy định tại BDL, bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ, bổ sung của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung, làm rõ của nhà đầu tư bằng một trong

	những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. Các tài liệu này được coi là một phần của HSDT. 25.2. Sau khi đóng thầu, trường hợp nhà đầu tư phát hiện HSDT thiếu thông tin, tài liệu về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa được nộp cùng HSDT thì được gửi thông tin, tài liệu để bổ sung, làm rõ. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá. Các tài liệu này được coi là một phần của HSDT. 25.3. Việc làm rõ các nội dung đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh, đề xuất về hiệu quả sử dụng đất phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi các đề xuất tương ứng trong HSDT đã nộp. 25.4. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà đầu tư có HSDT cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDT phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT.
26. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	26.1. Khi đánh giá HSDT, bên mời thầu, tổ chuyên gia phải kiểm tra các nội dung về kỹ thuật, tài chính của HSDT để xác định HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản, trong đó: a) “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu quy định tại HSMT; b) “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu quy định tại HSMT; c) “Bỏ sót nội dung” là việc nhà đầu tư không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu quy định tại HSMT. 26.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu quy định tại HSMT thì bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT. 26.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các thông tin hoặc

	tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai khác không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được làm ảnh hưởng đến đề xuất về hiệu quả sử dụng đất của nhà đầu tư. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu của bên mời thầu thì HSDT của nhà đầu tư sẽ bị loại.
27. Xác định tính đáp ứng của HSDT	27.1. Bên mời thầu, tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNĐT. 27.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu cơ bản nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản là những điểm trong HSDT mà nếu được chấp thuận hoặc cho nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung, thay thế sẽ: a) Gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả thực hiện dự án được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT về quyền hạn của người có thẩm quyền hoặc nghĩa vụ của nhà đầu tư trong hợp đồng; b) Gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà đầu tư khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT. 27.3. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho HSDT trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.
28. Mở thầu	28.1. Ngoại trừ các trường hợp HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNĐT và HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 23.3 CDNĐT, bên mời thầu phải mở công khai và đọc rõ các thông tin theo Mục 28.2 CDNĐT của tất cả HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở HSDT phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại BDL trước sự chứng kiến của đại diện các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSDT và

	đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có). Việc mở HSDT không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư tham dự thầu. Chỉ có các HSDT được mở và đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. 28.2. Bên mời thầu kiểm tra niêm phong, mở từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư và đọc rõ các thông tin sau: a) Tên nhà đầu tư; b) Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDT thay thế (nếu có); c) Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả sử dụng đất trong đơn dự thầu; d) Đề xuất tăng hoặc giảm của giá trị quy định tại điểm c Mục này (nếu có); e) Thời gian có hiệu lực của HSDT; g) Giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu; h) Các thông tin liên quan khác (nếu có). 28.3. Biên bản mở thầu gồm các thông tin quy định tại Mục 28.2 CDNĐT, phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà đầu tư tham dự thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu được gửi cho các nhà đầu tư tham dự thầu. 28.4. Đại diện của bên mời thầu ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung về phương án đầu tư kinh doanh và đề xuất về hiệu quả sử dụng đất của từng HSDT. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNĐT và HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 23.3 CDNĐT. 28.5. Đối với trường hợp rút HSDT Bên mời thầu sẽ mở và đọc rõ các thông tin trong văn bản đề nghị rút HSDT. HSDT của nhà đầu tư có đề nghị rút HSDT sẽ trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không
--	---

	chấp nhận cho nhà đầu tư rút HSDT và vẫn mở HSDT tương ứng nếu văn bản đề nghị rút HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư và phải được công khai trong lễ mở thầu. 28.6. Đối với trường hợp sửa đổi HSDT Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị sửa đổi HSDT, HSDT sửa đổi trước khi mở túi đựng và đọc rõ thông tin trong HSDT ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSDT nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 28.7. Đối với trường hợp thay thế HSDT Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị thay thế HSDT, HSDT thay thế. HSDT ban đầu sẽ được trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSDT nếu văn bản đề nghị thay thế HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.
29. Đánh giá HSDT	29.1. Đánh giá HSDT theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại các Mục 29.2, 29.3, 29.4 CDNĐT và Chương III - Đánh giá hồ sơ dự thầu. 29.2. Đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, HSDT được đánh giá theo thang điểm 100 hoặc 1.000, trong đó điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm năng lực, kinh nghiệm, điểm phương án đầu tư kinh doanh và điểm hiệu quả sử dụng đất, bảo đảm tổng tỷ trọng là 100%, trong đó: a) Điểm năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại BDL; b) Điểm phương án đầu tư kinh doanh theo quy định tại BDL; c) Điểm hiệu quả sử dụng đất theo quy định tại BDL. 29.3. Nhà đầu tư phải đáp ứng điểm tối thiểu sau đây để được đánh giá, xếp hạng:

	a) Điểm tổng hợp tối thiểu không được thấp hơn 70% tổng số điểm; b) Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết không thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó; c) Điểm tối thiểu của từng tiêu chí không thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chí đó. Nhà đầu tư đáp ứng điểm tối thiểu của từng tiêu chuẩn và có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.
30. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch	30.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT gồm lỗi số học, lỗi nhầm đơn vị; khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính – thương mại và các lỗi khác. Việc sửa lỗi được thực hiện theo quy định tại BDL. 30.2. Hiệu chỉnh sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa không nghiêm trọng trong HSDT so với yêu cầu của HSMT. Các nội dung hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại BDL trên cơ sở bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Các nội dung được hiệu chỉnh phải bảo đảm nguyên tắc không phải là các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản theo quy định tại Mục 27.2 CDNĐT. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT. 30.3. Sau khi phát hiện lỗi, sai lệch, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết về lỗi, sai lệch, việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và thời hạn kể từ ngày nhận được thông báo để nhà đầu tư có ý kiến về nội dung đó. Trong thời hạn kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà đầu tư phải có ý kiến bằng văn bản gửi bên mời thầu về các nội dung sau đây: a) Chấp thuận hay không chấp thuận kết quả sửa lỗi. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả sửa lỗi thì HSDT của nhà đầu tư đó sẽ bị loại; b) Nêu ý kiến của mình về kết quả hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả hiệu chỉnh sai lệch thì phải nêu rõ lý do để bên mời thầu xem xét, quyết định.
31. Ưu đãi trong	31.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi và mức ưu đãi:

lựa chọn nhà đầu tư	a) Nhà đầu tư có giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được hưởng mức ưu đãi 5% khi đánh giá HSDT; b) Nhà đầu tư cam kết chuyển giao công nghệ, thực hiện hoạt động công nghệ cao đối với các công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của pháp luật về công nghệ cao hoặc thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ được hưởng mức ưu đãi 2% khi đánh giá HSDT. 31.2. Khi dự thầu, nhà đầu tư phải nộp các tài liệu chứng minh theo quy định tại BDL về giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất, quyền sử dụng hợp pháp công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường, pháp luật khác có liên quan để được hưởng ưu đãi. 31.3. Cách tính ưu đãi: Điểm tổng hợp của đối tượng được hưởng ưu đãi được tính theo công thức sau: $T'_{TH} = T_{TH} + T_{TH} \times M_{UD}$ Trong đó: T'_{TH}: là điểm tổng hợp của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đã bao gồm mức ưu đãi để so sánh, xếp hạng; T_{TH}: là điểm tổng hợp của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi khi chưa bao gồm mức ưu đãi. M_{UD}: là mức ưu đãi nhà đầu tư được hưởng theo quy định tại Mục 31.1 CDNĐT. 31.4. Nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi quy định Mục 31.1 CDNĐT được lựa chọn ký kết hợp đồng phải thực hiện theo đúng cam kết trong HSDT, hợp đồng dự án đầu
-----------------------------------	---

	tư có sử dụng đất.
32. Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu	Nhà đầu tư được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 32.1. Có HSDT hợp lệ; 32.2. Đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm; 32.3. Đáp ứng yêu cầu về phương án đầu tư kinh doanh; 32.4. Đáp ứng yêu cầu về hiệu quả sử dụng đất; 32.5. Có điểm tổng hợp về năng lực, kinh nghiệm, phương án đầu tư kinh doanh và hiệu quả sử dụng đất cao nhất.
33. Hủy thầu	33.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây: a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT; b) Thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn đầu tư, thời hạn thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất vì lý do bất khả kháng, làm thay đổi tiêu chuẩn đánh giá trong HSMT đã phát hành; c) HSMT có một hoặc một số nội dung không tuân thủ quy định của luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc nhà đầu tư được lựa chọn không còn đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; d) Nhà đầu tư trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu; đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà đầu tư trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư. 33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c, d và đ Mục 33.1 CDNĐT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan. 33.3. Hủy thầu được thực hiện trong thời gian từ ngày phát hành HSMT đến trước ngày ký kết hợp đồng.
34. Công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư	34.1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 và khoản 4

	Điều 8 của Luật Đấu thầu; đồng thời, gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến các nhà đầu tư tham dự thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư bao gồm: a) Tên dự án; b) Tên nhà đầu tư trúng thầu; doanh nghiệp do nhà đầu tư trúng thầu dự kiến thành lập (nếu có); c) Thông tin về: Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả sử dụng đất trong đơn dự thầu; d) Danh sách nhà đầu tư không được lựa chọn và lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư; đ) Kế hoạch đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn; e) Các nội dung khác (nếu có). 34.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 33.1 CDNĐT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu. 34.3. Cùng với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng theo quy định tại các Mục 35, 36 và 37 CDNĐT cho nhà đầu tư trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư trúng thầu không đến đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT thì nhà đầu tư sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 17.5 CDNĐT.
35. Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng	35.1. Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư xếp thứ nhất được mời đàm phán, hoàn thiện hợp đồng theo thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng quy định tại Mục 34.3 CDNĐT. 35.2. Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng được thực hiện trên cơ sở:

	a) Báo cáo đánh giá HSDT; b) HSDT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSDT (nếu có) của nhà đầu tư; c) HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSMT (nếu có); d) Tài liệu khác có liên quan. 35.3. Nguyên tắc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng: a) Không tiến hành đàm phán, hoàn thiện hợp đồng đối với các nội dung mà nhà đầu tư đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT; b) Không được làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT. 35.4. Nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng: a) Đàm phán, hoàn thiện về những nội dung được đề xuất trong HSDT nhưng chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc còn khác nhau; nội dung chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT có thể dẫn đến tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; b) Đàm phán về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (nếu có) nhằm hoàn thiện các nội dung chi tiết của hợp đồng; c) Đàm phán về các nội dung khác liên quan đến dự án để có cơ sở xác lập các quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hợp đồng; d) Các nội dung cần thiết khác. 35.5. Nhà đầu tư không được thay đổi, rút hoặc từ chối thực hiện các nội dung cơ bản đề xuất trong HSDT đã được bên mời thầu đánh giá đáp ứng yêu cầu của HSMT, trừ trường hợp các thay đổi do nhà đầu tư đề xuất mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án. 35.6. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không thành công, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà đầu tư và mời nhà đầu tư xếp hạng tiếp theo đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với các nhà đầu tư tiếp theo thành công, bên mời thầu trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Nghị định số
--	---

	115/2024/NĐ-CP. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với các nhà đầu tư tiếp theo không thành công, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 CDNDT.
36. Ký kết hợp đồng và nguyên tắc thực hiện hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất	36.1. Việc ký kết hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Tại thời điểm ký kết, HSDT của nhà đầu tư được lựa chọn còn hiệu lực; b) Tại thời điểm ký kết, nhà đầu tư được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo yêu cầu của HSMT. 36.2. Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với nội dung trong HSMT, HSDT, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và biên bản đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. 36.3. Cơ quan có thẩm quyền hoặc bên mời thầu (trong trường hợp được ủy quyền) ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn. Đối với nhà đầu tư liên danh, tất cả các thành viên liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng. 36.4. Việc thực hiện hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 69 của Luật Đấu thầu.
37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	37.1. Nhà đầu tư phải thực hiện một trong các biện pháp theo quy định tại BDL để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực. 37.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại BDL. 37.3. Nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà đầu tư nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

38. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến bên mời thầu, người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại BDL. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 89, Điều 90, Điều 92, Điều 93 Luật Đấu thầu.
39. Xử lý vi phạm trong hoạt động đấu thầu	39.1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. 39.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 39.1 CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư từ 06 tháng đến 05 năm. Thời gian cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, bao gồm cả cá nhân thuộc bên mời thầu: a) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các khoản 1, 2, 4 và điểm a khoản 3 Điều 16 của Luật Đấu thầu; b) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 01 năm đến 03 năm đối với một trong các hành vi vi phạm điểm c khoản 3; khoản 5; điểm h, k khoản 6 Điều 16 của Luật Đấu thầu; c) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 01 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các điểm a, b, c, d và e khoản 6 và khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu; Đối với nhà đầu tư liên danh, việc cấm tham gia hoạt động đấu thầu áp dụng với tất cả thành viên liên danh khi một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu, trừ trường hợp: thành viên liên danh vi phạm quy định tại điểm c khoản 3, khoản 4, các điểm b, c, d, đ khoản 5, các điểm a, b, c, d, e khoản 6, khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì chỉ cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với thành viên đó mà không cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các thành viên còn lại.

	39.3. Trường hợp tổ chức, cá nhân có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thuộc cùng phạm vi quản lý của người có thẩm quyền và các hành vi này chưa bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu thì người có thẩm quyền ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu với thời gian cấm được xác định bằng tổng thời gian cấm của các hành vi vi phạm nhưng tối đa không quá 05 năm. 39.4. Thời hiệu áp dụng biện pháp cấm tham gia hoạt động đấu thầu quy định tại Mục 39.2 CDNĐT là 10 năm tính từ ngày xảy ra hành vi vi phạm. 39.5. Người có thẩm quyền xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được một trong các tài liệu sau: a) Văn bản đề nghị của bên mời thầu kèm theo các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm; b) Kiến nghị tại kết luận điều tra của cơ quan điều tra, kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra, kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán nhà nước; c) Kết quả giải quyết kiến nghị của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị; d) Các văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đó xác định hành vi vi phạm. 39.6. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người có thẩm quyền cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định Mục 39.5 CDNĐT hoặc đề nghị Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương. Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu của người có thẩm quyền. 39.7. Căn cứ quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu được đăng tải trên Hệ thống, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên
--	---

	phạm vi toàn quốc trong thời hạn 05 năm đối với tổ chức, cá nhân đang bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu tại 03 quyết định khác nhau của Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. 39.8. Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu bao gồm các nội dung: a) Tên người có thẩm quyền; b) Tên tổ chức, cá nhân vi phạm; c) Thời gian cấm bao gồm: thời gian cấm đối với hành vi vi phạm (nội dung vi phạm, căn cứ pháp lý để xử lý vi phạm); thời gian cấm đối với hành vi vi phạm tiếp theo (nếu có); tổng thời gian cấm; d) Phạm vi cấm; đ) Hiệu lực thi hành: ngày có hiệu lực và ngày kết thúc hiệu lực. 39.9. Trường hợp tổ chức, cá nhân bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo không đồng ý với quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu thì có quyền khởi kiện ra Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. 39.10. Thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu bị xử lý theo quy định tại Mục 39.2 CDNDT và bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.
40. Giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	40.1. Việc giám sát hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 86 của Luật Đấu thầu được thực hiện lồng ghép với hoạt động giám sát dự án đầu tư hoặc giám sát tổng thể đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan đăng ký về đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. 40.2. Thẩm quyền giám sát hoạt động đấu thầu thực hiện theo quy định tại BDL. 40.3. Nội dung giám sát lựa chọn nhà đầu tư: a) Công bố dự án đầu tư có sử dụng đất; b) Lập, thẩm định và phê duyệt HSMT; c) Đánh giá HSDT; d) Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

	đ) Kết quả đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng. 40.4. Hết thời hạn hợp đồng, cơ quan có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư giám sát dự án đầu tư hoặc giám sát tổng thể đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, bảo đảm nhà đầu tư thực hiện đầy đủ các cam kết trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư.
41. Triển khai thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất của nhà đầu tư trúng thầu	41.1. Nhà đầu tư trúng thầu, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại hợp đồng, pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, xây dựng, đất đai, kinh doanh bất động sản và pháp luật khác có liên quan. 41.2. Nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp quá thời hạn kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không ứng đủ vốn, nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 75 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, việc hoàn trả kinh phí cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà nhà đầu tư trúng thầu đã ứng trước được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. 41.3. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, nhà đầu tư trúng thầu, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án khi đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư; pháp luật về kinh doanh bất động sản (áp dụng đối với dự án bất động sản); pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật khác có liên quan; b) Điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 76 của Luật Đấu thầu. 41.4. Việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của các thành viên, cổ đông trong tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập trước khi dự án được khai thác, vận hành thì phải đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Được người có thẩm quyền chấp thuận;

	b) Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng phải có tư cách pháp lý và đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế, pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, kinh doanh bất động sản và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; có năng lực, kinh nghiệm tương ứng với cổ phần, phần vốn góp dự kiến nhận chuyển nhượng (đối với trường hợp chuyển nhượng một phần) hoặc có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn so với nhà đầu tư chuyển nhượng (đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ); phải kế thừa quyền và nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư mà nhà đầu tư chuyển nhượng đã cam kết tại hồ sơ dự thầu và hợp đồng dự án; c) Ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b Mục này, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của thành viên liên danh phải bảo đảm tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu của từng thành viên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP. Kể từ khi dự án khai thác, vận hành, việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế mà không phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản này. 41.5. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 52 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP phải được quy định tại hợp đồng. Căn cứ quy định tại hợp đồng và ý kiến đánh giá của bên mời thầu đối với nhà đầu tư dự kiến nhận chuyển nhượng, người có thẩm quyền xem xét, chấp thuận đề nghị chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế. Trường hợp chấp thuận đề nghị chuyển nhượng, người có thẩm quyền giao bên mời thầu rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng. 41.6. Trường hợp việc chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 52 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP dẫn đến điều chỉnh dự án đầu tư thì sau khi được người có thẩm
--	--

	quyền chấp thuận theo quy định tại khoản 5 Điều 52 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, nhà đầu tư chuyển nhượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan trước khi sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án. 41.7. Trường hợp việc chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp làm phát sinh nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư trúng thầu, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. 41.8. Nhà đầu tư trúng thầu, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập có quyền góp vốn, tăng vốn điều lệ để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh khác (nếu có) nhưng không được làm ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ đã cam kết tại hồ sơ dự thầu và hợp đồng dự án. 41.9. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, trường hợp có yêu cầu phải điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 của Luật Đấu thầu (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 52 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP) dẫn đến thay đổi nội dung hợp đồng dự án, người có thẩm quyền giao bên mời thầu xem xét, đánh giá năng lực kỹ thuật, tài chính của nhà đầu tư. Trong trường hợp này, nhà đầu tư phải bảo đảm đáp ứng năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án sau khi điều chỉnh. Trường hợp nhà đầu tư đáp ứng năng lực kỹ thuật, tài chính, người có thẩm quyền giao bên mời thầu hướng dẫn nhà đầu tư, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đồng thời giao bên mời thầu rà soát nội dung hợp đồng để sửa đổi, bổ sung sau khi dự án đầu tư được điều chỉnh.
--	---

CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU

CDNĐT 1.1	Tên và địa chỉ của bên mời thầu: - Tên bên mời thầu: Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh - Đại diện: Ông Hoàng Anh Tuấn - Chủ tịch UBND huyện - Số nhà/số tầng/số phòng: Khu trung tâm hành chính huyện - Tên đường, phố: Xã Đại Thịnh, Huyện Mê Linh - Thành phố: Thành phố Hà Nội - Số điện thoại: 024.38169210 - Số fax: 024.38196210 - Địa chỉ e-mail: ubktmelinh@gmail.com
CDNĐT 1.2	Tổng vốn đầu tư: 14.929,194 tỷ đồng (<i>Bằng chữ: Mười bốn nghìn chín trăm hai mươi chín tỷ, một trăm chín mươi tư triệu đồng./.</i>), trong đó: - Sơ bộ chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) dự kiến: khoảng 13.617,040 tỷ đồng (<i>Bằng chữ: Mười ba nghìn sáu trăm mười bảy tỷ, không trăm bốn mươi triệu đồng./.</i>). - Sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự kiến: khoảng 1.312,154 tỷ đồng (<i>Bằng chữ: Một nghìn ba trăm mười hai tỷ, một trăm năm mươi tư triệu đồng./.</i>). <i>(Vốn đầu tư của dự án chưa bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Vốn đầu tư của dự án sẽ được chuẩn xác khi có kết quả đấu thầu dự án và lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng theo quy định).</i>
CDNĐT 1.3	Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay mà nhà đầu tư phải huy động: a) Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp: 2.239,379 tỷ đồng (<i>Bằng chữ: Hai nghìn hai trăm ba mươi chín tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu đồng./.</i>). b) Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu: 14.929,194 tỷ đồng (<i>Bằng chữ: Mười bốn nghìn chín trăm hai mươi chín tỷ, một trăm chín mươi tư triệu đồng./.</i>).

CDNĐT 1.4	Thông tin cơ bản của dự án gồm: a) Tên dự án; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án: * <u>Tên dự án:</u> Khu đô thị cao cấp Mê Linh tại các xã Đại Thịnh, Thanh Lâm, Mê Linh, huyện Mê Linh. * <u>Mục tiêu dự án:</u> - Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Mê Linh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch phân khu đô thị N1, tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt tại Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND thành phố Hà Nội; góp phần xây dựng mục tiêu do Bộ Chính trị đặt ra tại Nghị quyết số 15-NQ-TW ngày 05/5/2022 về mục tiêu xây dựng mô hình thành phố trực thuộc Thủ đô tại khu vực phía Bắc (vùng Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn). - Nghiên cứu xây dựng Khu đô thị mới cao cấp, hiện đại, đẳng cấp, đồng bộ về quy hoạch, không gian kiến trúc cảnh quan, khai thác triệt để hiệu quả quỹ đất; hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho khu vực. * <u>Quy mô dự án:</u> ** Quy mô sử dụng đất: Tổng diện tích đất nghiên cứu theo quy hoạch khoảng 205ha, trong đó: - Đất giao thông: diện tích 53ha; - Đất hạ tầng - nhà máy xử lý nước thải: diện tích 4,05ha; - Đất điểm trung chuyển đa phương thức: diện tích 1,82ha; - Đất bãi đỗ xe: diện tích 5,70ha. - Đất giáo dục cấp đô thị (THPT): diện tích 1,36 ha, mật độ xây dựng 14%- 35%, tầng cao dự kiến 2-4 tầng; - Đất giáo dục cấp đơn vị ở (TH, THCS): diện tích 3,70ha, mật độ xây dựng 14%-35%, tầng cao dự kiến 2-3 tầng, diện tích xây dựng khoảng 4.537m², diện tích sàn xây dựng khoảng: 13.162m²; - Đất giáo dục đơn vị ở (mầm non): diện tích 3,36ha, mật độ xây dựng 14%- 40%, tầng cao dự kiến 2-3 tầng, diện tích xây dựng khoảng 8.204m², diện tích sàn xây dựng 24.613m²; - Đất cây xanh Thành phố: diện tích 7,34 ha, mật độ xây dựng 5%, tầng cao dự kiến 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 3.669m², diện tích sàn xây dựng khoảng 3.669m²;
------------------	--

	- Đất cây xanh khu vực: diện tích 33,92ha, mật độ xây dựng 5%, tầng cao dự kiến 1 tầng, diện tích xây dựng khoảng 16.958m², diện tích sàn xây dựng khoảng 16.958m²; - Đất cây xanh đơn vị ở diện tích 9,41ha, mật độ xây dựng 5%, tầng cao dự kiến 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 4.703m², diện tích sàn xây dựng khoảng 4.703m²; - Đất công cộng Thành phố: diện tích 5,45ha, mật độ xây dựng 20%-40%, tầng cao dự kiến 3-30 tầng, diện tích xây dựng khoảng 10.898m², diện tích sàn xây dựng khoảng 54.490m²; - Đất công cộng khu vực: diện tích 1,65ha, mật độ xây dựng 20%-40%, tầng cao dự kiến 3-25 tầng, diện tích xây dựng khoảng 3.307m², diện tích sàn xây dựng khoảng 9.920m²; - Đất công cộng đơn vị ở: 2,81ha; - Đất công trình nhà ở xây dựng mới với tổng diện tích đất khoảng 71,45ha gồm: + Nhà ở thương mại: ++ Công trình nhà ở liền kề: số căn hộ dự kiến khoảng 1.200 căn, diện tích đất khoảng 35,63ha, tầng cao dự kiến 3-6 tầng, mật độ xây dựng 30%-40%, diện tích xây dựng khoảng 124.696m², diện tích sàn xây dựng khoảng 623.478m², diện tích sân nhà ở khoảng 623.478m². ++ Công trình nhà ở biệt thự: số căn hộ dự kiến khoảng 250 căn hộ, diện tích đất 10,24ha, tầng cao dự kiến 3-6 tầng, mật độ xây dựng 30%-40%, diện tích xây dựng khoảng 30.729m², diện tích sàn xây dựng khoảng 92.187m², diện tích sân nhà ở khoảng 92.187m². ++ Công trình chung cư cao tầng: số căn hộ dự kiến khoảng 1.550 căn hộ, diện tích đất 7,71 ha, tầng cao dự kiến 3-25 tầng, mật độ xây dựng 20%-40%, diện tích xây dựng khoảng 15.428m², diện tích sàn xây dựng khoảng 293.140m², diện tích sân nhà ở khoảng 120.342m². - Quỹ đất phát triển nhà ở xã hội: diện tích 17,86ha bao gồm: + Đất nhà ở xã hội cao tầng: diện tích đất 15,29ha, số căn hộ dự kiến khoảng 3.150 căn, tầng cao dự kiến 3-15 tầng, mật độ xây dựng 30%-40%, diện tích xây dựng khoảng 45.870m², diện tích sàn xây dựng khoảng 458.703m², diện tích sân nhà ở khoảng 220.177m²;
--	---

	+ Đất hỗn hợp có nhà ở xã hội cao tầng: diện tích đất 2,57ha, số căn hộ dự kiến khoảng 350 căn, tầng cao dự kiến 3-25 tầng, mật độ xây dựng 20%-40%, diện tích xây dựng khoảng 5.143m², diện tích sàn xây dựng khoảng 51.428m², diện tích sàn nhà ở khoảng 24.685m²; <i>Công suất thiết kế và quy mô dân số nêu trên xác định trên cơ sở phân bố dân số theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch phân khu đô thị N1 được phê duyệt. Công suất thiết kế và quy mô dân số cụ thể sẽ được xác định và cập nhật trong giai đoạn lập đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của Dự án.</i> ** Dân số: khoảng 21.000 người. b) Tổng vốn đầu tư của dự án: 14.929,194 tỷ đồng (Bằng chữ: Mười bốn nghìn chín trăm hai mươi chín tỷ, một trăm chín mươi tư triệu đồng./.), trong đó: - Sơ bộ chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) dự kiến: khoảng 13.617,040 tỷ đồng (Bằng chữ: Mười ba nghìn sáu trăm mười bảy tỷ, không trăm bốn mươi triệu đồng./.). - Sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự kiến: khoảng 1.312,154 tỷ đồng (Bằng chữ: Một nghìn ba trăm mười hai tỷ, một trăm năm mươi tư triệu đồng./.). <i>(Vốn đầu tư của dự án chưa bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Vốn đầu tư của dự án sẽ được chuẩn xác khi có kết quả đấu thầu dự án và lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng theo quy định).</i> c) Địa điểm thực hiện dự án: tại các ô đất I.1.3, I.1.4, I.3.1, I.3.3, I.3.4 và I.4.2 thuộc phân khu đô thị N1, xã Đại Thịnh, Thanh Lâm, Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. d) Mục đích sử dụng đất; Hiện trạng sử dụng đất (nếu có): * Mục đích sử dụng đất: phù hợp với Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu đô thị N1, tỷ lệ 1/2000, địa điểm: Thị trấn Quang Minh, các xã Kim Hoa, Thanh Lâm, Đại Thịnh, Văn Khê, Mê Linh, Tráng Việt, Tiên Phong - huyện Mê Linh và xã Đại Mạch - huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 1235/QĐ-UBND
--	--

ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội. Cơ cấu chức năng như sau:

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích đất dự án (ha)	Tỷ lệ đất (%)
1	Đất ở	45,87	22,4
1.1	Đất ở liền kề	35,63	17,4
1.2	Đất ở biệt thự	10,24	5,0
2	Đất nhà ở xã hội cao tầng	15,29	7,5
3	Đất hỗn hợp có ở	7,71	3,8
4	Đất hỗn hợp có nhà ở xã hội cao tầng	2,57	1,3
5	Đất công cộng đơn vị ở	2,81	1,4
6	Đất công cộng khu vực	1,65	0,8
7	Đất công cộng thành phố	5,45	2,7
8	Đất cây xanh đơn vị ở	9,41	4,6
9	Đất cây xanh khu vực	33,92	16,5
10	Đất cây xanh thành phố	7,34	3,6
11	Đất giáo dục cấp đơn vị ở (mầm non)	3,36	1,6
12	Đất giáo dục cấp đơn vị ở (TH, THCS)	3,70	1,8
13	Đất giáo dục cấp đô thị (THPT)	1,36	0,7
14	Bãi đỗ xe	5,70	2,8
15	Điểm trung chuyển đa phương thức	1,82	0,9
16	Hạ tầng - Nhà máy xử lý nước thải	4,05	2,0
17	Đất giao thông	53,00	25,9
	Tổng cộng	205,00	100,0

	* <u>Hiện trạng sử dụng đất</u> : Hiện trạng sử dụng đất trong ranh giới đề xuất dự án 205ha.	
	TT	Hiện trạng sử dụng đất
		Diện tích (ha)
		Tổng diện tích dự án
		205
	1	Đất trồng lúa nước
	2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, hỏa táng
	3	Đất nuôi trồng thủy sản
	4	Đất trồng cây hàng năm
	5	Đất giao thông
	6	Đất ở nông thôn
	đ) Diện tích khu đất thực hiện dự án: khoảng 205ha.	
	e) Các chỉ tiêu quy hoạch: phù hợp với Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu đô thị N1, tỷ lệ 1/2000, địa điểm: Thị trấn Quang Minh, các xã Kim Hoa, Thanh Lâm, Đại Thịnh, Văn Khê, Mê Linh, Tráng Việt, Tiên Phong - huyện Mê Linh và xã Đại Mạch - huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 1235/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội.	
	g) Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án:	
	* <i>Thời hạn hoạt động của dự án</i> : 50 năm (được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất; thời hạn giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai).	
	* <i>Tiến độ thực hiện dự án</i> : từ năm 2025 - 2030.	
	h) Tên bên mời thầu: Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh.	
	i) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà đầu tư: Đấu thầu rộng rãi quốc tế, một giai đoạn một túi hồ sơ.	
	k) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư: Quý III, IV/2025.	
CDNĐT 3.5	Kể từ ngày phát hành HSMT, nhà đầu tư tham dự thầu không có cổ phần hoặc phần vốn góp với nhà thầu tư vấn sau đây: - Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSĐT: Công ty cổ phần sở hữu trí tuệ Davilaw.	

	Địa chỉ: + Địa chỉ trụ sở chính: Số 59 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội; + VPGD: Tầng 10, tòa nhà A3 Ecolife Capitol, 58 Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
CDNĐT 5.2	Thời hạn nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ là 15 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNĐT 5.3 (b)	Hội nghị tiền đấu thầu: sẽ không được tổ chức.
CDNĐT 5.4	Thời hạn đăng tải văn bản làm rõ HSMT là 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNĐT 6.1	Bên mời thầu: sẽ không tổ chức khảo sát hiện trường.
CDNĐT 7.2	Thời hạn đăng tải quyết định sửa đổi HSMT là 25 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNĐT 9	Ngôn ngữ của HSDT: HSDT, các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng: Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDT. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang: Ngôn ngữ mà nhà đầu tư lựa chọn để lập HSDT. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.
CDNĐT 10.3	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: không áp dụng .
CDNĐT 12.1	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư: a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau: Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với nhà đầu tư trong nước; tài liệu chứng minh đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài đối với nhà đầu tư nước ngoài.

	b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây: - Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh; - Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.
CDNĐT 12.2 (a)	Đồng tiền dùng để đánh giá: Đồng Việt Nam. Trường hợp trong số các đồng tiền không có Đồng Việt Nam thì HSMT phải quy định về đồng tiền quy đổi, thời điểm và căn cứ xác định tỷ giá quy đổi như sau: - Đồng tiền quy đổi là: Đồng Việt Nam. - Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là: là ngày HSMT được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. - Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi: Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá mua vào do ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố. Đối với các loại tiền tệ khác mà VCB không công bố tỷ giá quy đổi, Nhà đầu tư có thể sử dụng tỷ giá mua vào USD của Ngân hàng Trung ương của quốc gia mà Nhà đầu tư đăng ký hoạt động công bố. Sau đó, nhà đầu tư phải quy đổi về đồng Việt Nam để làm cơ sở đánh giá hồ sơ dự thầu. Nhà đầu tư phải cung cấp tài liệu chứng minh nguồn, thời điểm xác định tỷ giá quy đổi phù hợp với các yêu cầu nêu trên.
CDNĐT 12.2 (b)	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: không áp dụng.
CDNĐT 13	Thành phần đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư gồm nội dung đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh: a) Về kỹ thuật - Thuyết minh về sự phù hợp của phương án đầu tư công trình dự án (gồm phạm vi, quy mô, sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, thời gian, tiến độ, sơ đồ tổ chức không gian và kiến trúc, cảnh quan đảm bảo đồng bộ với tổng thể công trình) với chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật có liên quan.

	- Thuyết minh về sự phù hợp với điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; phương án tổ chức vận hành, kinh doanh. - Thuyết minh về sự đồng bộ của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý đô thị, nhà ở để xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang đô thị; về sự phù hợp của phương án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở. b) Về xã hội - Thuyết minh về phương án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có). Nhà đầu tư ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và đảm bảo tiến độ thực hiện dự án. Nhà đầu tư phải cam kết trong hồ sơ dự thầu việc ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo yêu cầu trong hồ sơ mời thầu của cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai. - Thuyết minh về khả năng đóng góp phúc lợi xã hội cho người lao động tại địa phương thông qua việc sử dụng lao động địa phương, đào tạo nguồn nhân lực hoặc các hoạt động phúc lợi xã hội khác mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương, phù hợp với nhu cầu của địa phương nơi thực hiện dự án. c) Về môi trường - Thuyết minh về phương án, giải pháp quản lý và công nghệ nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, phương án áp dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường theo kỹ thuật tốt nhất hiện có.
CDNĐT 15.1	Thành phần đề xuất về tài chính của nhà đầu tư gồm: Tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước.
CDNĐT 16.1	Đồng tiền dự thầu là: Đồng Việt Nam (VNĐ), Đô la Mỹ (USD).
CDNĐT 17.1	- Hình thức bảo đảm dự thầu: Nhà đầu tư được nộp thư bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm khi tham dự thầu. Thư bảo lãnh phải được lập theo Mẫu số 10 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu.

	(Nhà đầu tư nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam) - Giá trị bảo đảm dự thầu là 149,292 tỷ đồng (<i>Bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu đồng./.</i>). - Thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu là 120 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNĐT 17.4	Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu của nhà đầu tư không được lựa chọn trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt. Trường hợp nhà đầu tư từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu khi bên mời thầu yêu cầu do gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDT thì bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà đầu tư trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.
CDNĐT 18.1	Thời gian có hiệu lực của HSDT là 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNĐT 19.1	- Số lượng bản chụp HSDT là: 05 bản chụp và 01 thiết bị lưu trữ dữ liệu (USB, bao gồm bảng tính toán sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, định dạng file excel).
CDNĐT 21.1	- Thời điểm đóng thầu là: thời điểm quy định tại Thông báo mời thầu dự án đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. - HSMT có mức giá bán (bao gồm cả thuế) là: 30.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng./.</i>).
CDNĐT 25.1	Thời hạn nhà đầu tư được phép chủ động gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm là 03 ngày làm việc kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNĐT 28.1	Thời điểm mở HSDT là: thời điểm quy định tại Thông báo mời thầu dự án đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: - Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Mê Linh - Số nhà/số tầng/số phòng: Tầng 1 tòa nhà liên cơ quan, khu trung tâm hành chính huyện Mê Linh. - Tên đường, phố: Xã Đại Thịnh, Huyện Mê Linh. - Thành phố: Thành phố Hà Nội.
CDNĐT 29.2	Điểm năng lực, kinh nghiệm: 250 điểm .

(a)	
CDNĐT 29.2 (b)	Điểm phương án đầu tư kinh doanh: 250 điểm.
CDNĐT 29.2 (c)	Điểm hiệu quả sử dụng đất: 500 điểm.
CDNĐT 30.1	Việc sửa lỗi được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau đây: a) Lỗi số học gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá hàng hóa, dịch vụ hoặc giá trị nộp ngân sách nhà nước hoặc các tiêu chuẩn, tiêu chí tài chính khác. b) Lỗi nhầm đơn vị: - Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT; - Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. c) Các lỗi khác: - Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý; - Nếu có sự khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính thì nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.
CDNĐT 30.2	Các nội dung hiệu chỉnh sai lệch phải đảm bảo tuân thủ theo quy định tại “Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án” và tỷ lệ sai lệch không vượt quá 10% giá trị.
CDNĐT 31.2	Tài liệu chứng minh: Giấy phép, chứng nhận hoặc hồ sơ, tài liệu có giá trị tương đương có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền chứng minh thuộc đối tượng được ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 131 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
CDNĐT 37.1	a) Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà đầu tư được nộp thư bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng. Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng được lập theo Mẫu số 14 Phần 3 –

	Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của HSMT hoặc một mẫu khác nhưng phải gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo đảm thực hiện hợp đồng được người có thẩm quyền chấp thuận. (Nhà đầu tư nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam) b) Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 298,584 tỷ đồng (<i>Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tám tỷ, năm trăm tám mươi tư triệu đồng./.</i>). c) Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực là 06 năm kể từ ngày hợp đồng được ký chính thức cho đến ngày chấm dứt hợp đồng.
CDNĐT 37.2	- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên mời thầu sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư không chậm hơn 30 ngày kể từ khi kết thúc hợp đồng.
CDNĐT 38	Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: a) Địa chỉ của bên mời thầu: Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh. Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện, Xã Đại Thịnh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024.38169210; Fax: 024.38169210. b) Địa chỉ của người có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 12 Lê Lai, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: (024) 38253536; Fax: (024) 38243126. c) Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: Sở Tài chính thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Liên cơ Vân Hồ, Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 84.24.3824 8989.
CDNĐT 40.2	Thẩm quyền giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư là: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, tổ chức giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Sở Tài chính chịu trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư tại địa phương mình.

CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

1.1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;

b) Kiểm tra các thành phần của HSDT, bao gồm: Đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư; nội dung đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh; nội dung đề xuất về hiệu quả sử dụng đất; các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNĐT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có bản gốc HSDT;

b) Có đơn dự thầu hợp lệ, được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đơn dự thầu được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có), không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) đối với trường hợp liên danh;

- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu hoặc bỏ sót các nội dung quan trọng nêu trong Mẫu đơn dự thầu dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm và cam kết của nhà đầu tư trong quá trình dự thầu và thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu.

c) Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 18 CDNĐT;

d) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên trong liên danh;

đ) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNĐT. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không phải là bản gốc và không được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có);

- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký thư bảo lãnh dự thầu (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Có giá trị bảo lãnh thấp hơn, thời hạn có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu của HSMT; tên, địa chỉ của đơn vị thụ hưởng bảo lãnh không đúng theo yêu cầu của HSMT;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu; bỏ sót nội dung quan trọng nêu trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm của nhà đầu tư trong quá trình tham dự thầu hoặc dẫn đến bên mời thầu không thu được giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đấu thầu;

e) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh hợp lệ, được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu;

g) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

h) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSĐT được coi là “Hợp lệ” khi tất cả điều kiện được đánh giá là “Đáp ứng”. HSĐT của nhà đầu tư được coi là “Không hợp lệ” khi bất kỳ một điều kiện được đánh giá là “Không đáp ứng” và khi đó, HSĐT của nhà đầu tư sẽ bị loại. Nhà đầu tư có HSĐT hợp lệ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Phương pháp đánh giá

2.1.1. Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm sử dụng phương pháp chấm điểm.

Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết về năng lực, kinh nghiệm không thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó.

Điểm tối thiểu của từng tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm không thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chí đó.

2.1.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh. Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%;

b) Vốn vay của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn vay của các thành viên liên danh;

c) Kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự của nhà đầu tư liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện.

2.1.3. Nhà đầu tư được sử dụng kinh nghiệm của đối tác để chứng minh kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự. Đối tác là tổ chức ký kết hợp đồng với nhà đầu tư hoặc là công ty con của nhà đầu tư, được nhà đầu tư đề xuất trong HSDT để cùng tham gia thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất và được đánh giá kinh nghiệm, khả năng đáp ứng công việc đối tác tham gia cùng thực hiện theo hợp đồng đã ký kết với nhà đầu tư trên cơ sở yêu cầu quy định tại HSMT.

Bên mời thầu căn cứ đề xuất về việc sử dụng đối tác tại HSDT, phạm vi, nội dung, giá trị công việc, yêu cầu thực hiện công việc, yêu cầu khác (nếu có) được thỏa thuận tại hợp đồng ký kết giữa nhà đầu tư và đối tác để đánh giá khả năng đáp ứng của đối tác đối với phần công việc đối tác tham gia cùng thực hiện theo hợp đồng đã ký kết với nhà đầu tư.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá

2.2.1. Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo **Bảng số 01** dưới đây:

Ghi chú: Nhà đầu tư có HSDT được đánh giá là “Đạt” khi tất cả tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết, tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm đáp ứng điểm yêu cầu tối thiểu. HSDT của nhà đầu tư được đánh giá là “Không đạt” khi bất kỳ một tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết, tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng điểm yêu cầu tối thiểu và khi đó, HSDT của nhà đầu tư sẽ bị loại. Nhà đầu tư có HSDT được đánh giá là đạt về năng lực, kinh nghiệm được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Bảng số 01

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
I	Năng lực tài chính, khả năng thu xếp vốn	100		60		
1	Vốn chủ sở hữu (VCSH)	70		42	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp ⁽²⁾ : 2.239,379 tỷ đồng (Bằng chữ: Hai nghìn hai trăm ba mươi chín tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu đồng./.)	Mẫu số 06
	VCSH $\geq$ 2.351,348 tỷ đồng		70			
	VCSH $\geq$ 2.295,364 tỷ đồng đến < 2.351,348 tỷ đồng		60			
	VCSH > 2.239,379 tỷ đồng đến < 2.295,364 tỷ đồng		50			
	VCSH = 2.239,379 tỷ đồng		42			
	VCSH < 2.239,379 tỷ đồng		0			

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
2	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng huy động⁽³⁾ (TVĐT)	30		18	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng huy động tối thiểu là: 14.929,194 tỷ đồng (<i>Bằng chữ: Mười bốn nghìn chín trăm hai mươi chín tỷ, một trăm chín mươi tư triệu đồng./.</i>).	Mẫu số 06 và Mẫu số 07
	TVĐT > 14.929,194 tỷ đồng		30			
	TVĐT = 14.929,194 tỷ đồng		18			
	TVĐT < 14.929,194 tỷ đồng		0			
II	Kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự⁽⁴⁾	150		90		
1	Kinh nghiệm đầu tư, xây dựng công trình, dự án	80		48	Số lượng dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai	Mẫu số

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
	tương tự				trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu vào dự án⁽⁵⁾ hoặc là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập để thực hiện dự án hoặc là nhà thầu: 01 dự án để đạt yêu cầu tối thiểu. Cách xác định dự án như sau⁽⁶⁾: a) Loại 1: Dự án thuộc ngành, lĩnh vực: Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; Dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp bao gồm: công trình nhà ở, công trình dân dụng có kết cấu dạng nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu vào dự án hoặc là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập để thực hiện dự án, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn⁽⁷⁾ trong vòng 10 năm trước năm có thời điểm đóng thầu và có tổng vốn đầu tư/tổng mức đầu tư tối thiểu là⁽⁸⁾ 8.957,516 tỷ đồng. b) Loại 2 (kinh nghiệm với vai trò là	08

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					nhà đầu tư): Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng có kết cấu dạng nhà mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu vào dự án hoặc là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập để thực hiện dự án, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn⁽⁵⁾ trong vòng 10 năm trước năm có thời điểm đóng thầu và có tổng vốn đầu tư/ tổng mức đầu tư tối thiểu là⁽⁶⁾ 8.957,516 tỷ đồng. c) Loại 2 (kinh nghiệm với vai trò là nhà thầu): Dự án, gói thầu, hợp đồng thuộc ngành, lĩnh vực: Dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn⁽⁷⁾ trong vòng 10 năm trước năm có thời điểm đóng thầu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					- Có công trình, hạng mục công trình tương tự với công trình chính, hạng mục công trình chính của dự án đang xét là công trình dân dụng có kết cấu dạng nhà. - Có giá trị tối thiểu là: 1.437,756 tỷ đồng⁽⁹⁾. d) Loại 3: Dự án, gói thầu, hợp đồng thuộc ngành, lĩnh vực: Dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp mà đối tác đã tham gia với vai trò là nhà thầu xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn⁽⁷⁾ trong vòng 10 năm trước năm có thời điểm đóng thầu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có công trình, hạng mục công trình tương tự với công trình chính, hạng mục công trình chính của dự án đang xét là công trình dân dụng có kết cấu dạng nhà.	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					- Có giá trị tối thiểu là: 1.437,756 tỷ đồng ⁽⁹⁾ .	
	Nhà đầu tư đã thực hiện ≥ 3 dự án thuộc loại 1 sau khi quy đổi		80			
	Nhà đầu tư đã thực hiện 2 dự án thuộc loại 1 sau khi quy đổi		60			
	Nhà đầu tư đã thực hiện 1 dự án thuộc loại 1 sau khi quy đổi		48			
2	Kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, dự án tương tự	40		24	Kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, dự án tương tự được xác định căn cứ tiêu chuẩn sau: Số lượng dự án (trong đó gồm một hoặc các nội dung công việc: vận hành, kinh doanh công trình, dự án) mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu vào dự án⁽⁵⁾ hoặc là tổ	Mẫu số 08

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập hoặc là nhà thầu, đã tổ chức vận hành⁽¹⁰⁾ trong vòng 10 năm trước năm có thời điểm đóng thầu: 01 dự án để đạt yêu cầu tối thiểu. Cách xác định dự án như sau⁽⁶⁾: a) Loại 1: Dự án thuộc ngành, lĩnh vực Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; Dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp bao gồm công trình dân dụng có kết cấu dạng nhà mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu vào dự án hoặc là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập và có công trình (trường hợp dự án có một công trình) hoặc có công trình chính (trường hợp dự án có nhiều công trình) đáp ứng một trong hai điều kiện sau: - Có quy mô công suất tối thiểu là: diện tích sàn là 175.883,76 m²; - Có cùng cấp công trình tương tự hoặc	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					cao hơn với cấp công trình của dự án đang xét (là công trình cấp I) theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc có hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình của dự án đang xét. b) Loại 2: Dự án, gói thầu, hợp đồng thuộc ngành, lĩnh vực: Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; Dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp bao gồm công trình dân dụng có kết cấu dạng nhà mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu vận hành và có công trình (trường hợp dự án/gói thầu/hợp đồng có một công trình) hoặc có công trình chính (trường hợp dự án/gói thầu/hợp đồng có nhiều công trình) đáp ứng một trong hai điều kiện sau: - Có quy mô công suất tối thiểu là: diện tích sàn là 146.569,80 m²; - Có cùng cấp công trình tương tự hoặc	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					cao hơn với cấp công trình của dự án đang xét (là công trình cấp I) theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc có hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình của dự án đang xét. c) Loại 3: Dự án, gói thầu, hợp đồng thuộc ngành, lĩnh vực Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; Dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp bao gồm công trình dân dụng có kết cấu dạng nhà mà đối tác tham gia là nhà thầu vận hành và có công trình (trường hợp dự án/gói thầu/hợp đồng có một công trình) hoặc có công trình chính (trường hợp dự án/gói thầu/hợp đồng có nhiều công trình) đáp ứng một trong hai điều kiện sau: - Có quy mô công suất tối thiểu là: diện tích sàn là 146.569,80 m²; - Có cùng cấp công trình tương tự hoặc	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					cao hơn với cấp công trình của dự án đang xét (là công trình cấp I) theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc có hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình của dự án đang xét.	
	Nhà đầu tư đã thực hiện ≥ 2 dự án thuộc loại 1 sau khi quy đổi		40			
	Nhà đầu tư đã thực hiện 1 dự án thuộc loại 1 sau khi quy đổi		30			
	Nhà đầu tư đã thực hiện 1 dự án loại 2 hoặc 1 dự án loại 3		24			
3	Yêu cầu về kê khai lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với dự án đã và đang thực hiện ⁽¹¹⁾	30		18		Mẫu số 11

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
	Không có dự án đang tranh chấp, khiếu kiện		30			
	Có dự án đang tranh chấp, kiện tụng đang giải quyết và đảm bảo vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án		18			
	Có dự án đang tranh chấp, kiện tụng đang giải quyết và vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án		0			
4	Đánh giá của cơ quan có thẩm quyền về quá trình hoạt động của nhà đầu tư tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi triển khai dự án				Nhà đầu tư đã và đang thực hiện dự án tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi triển khai dự án bị trừ 2% tổng số điểm về năng lực, kinh nghiệm cho mỗi trường hợp vi phạm (nhưng không quá 10%) khi có dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					- Bị ngừng toàn bộ hoặc một phần hoạt động do nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm theo quy định của pháp luật về đầu tư; - Bị chấm dứt hoạt động do nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư trên cơ sở giao dịch dân sự giả tạo theo quy định của pháp luật về dân sự; - Bị chấm dứt hoạt động đầu tư trong trường hợp bị thu hồi đất do không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai; - Bị chấm dứt hoạt động đầu tư do nhà đầu tư không ký quỹ hoặc không có bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ theo quy định của pháp luật đối với dự án đầu tư thuộc diện bảo đảm thực hiện dự án đầu tư;	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết ⁽¹⁾	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					- Bị ngừng hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết trọng tài. Đối với trường hợp Nhà đầu tư chưa có dự án tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi triển khai thực hiện dự án hoặc đã thực hiện nhưng không thuộc các trường hợp vi phạm nêu trên, bên mời thầu, tổ chuyên gia không đánh giá nội dung này trong HSDT của nhà đầu tư.	
	TỔNG ĐIỂM	250		150		

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu, tổ chuyên gia quy định chi tiết thang điểm đánh giá đối với từng tiêu chí.

(2) Yêu cầu về vốn chủ sở hữu được xác định trên cơ sở tổng vốn đầu tư (gồm sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có) và chi phí khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có).

Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản, được xác định căn cứ vào:

- Kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm; trường hợp không có kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm thì dùng kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của năm liền trước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán;

- Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng thì vốn chủ sở hữu được xác định theo vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Trường hợp Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư kê khai danh sách các dự án đang được đầu tư và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm đáp ứng đủ toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án, nhà đầu tư trúng thầu có trách nhiệm nộp cho cơ quan có thẩm quyền các tài liệu chứng minh năng lực tài chính.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 06 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu và cung cấp cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu theo Mẫu số 07 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.

(3) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết huy động vốn vay theo Mẫu số 07 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm huy động của nhà đầu tư.

(4) Kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự:

(i) Các dự án, gói thầu, hợp đồng nhà đầu tư, đối tác thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết (đối với dự án, gói thầu có hợp đồng đã ký kết) hoặc văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình dự án hoặc văn bản tương đương của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng tương ứng với từng thời kỳ mới được xem xét, đánh giá.

(ii) Nhà đầu tư, đối tác chỉ được trích dẫn một lần duy nhất kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự (đối với loại 1, loại 2 tại Mục 2.1.b), gói thầu, hợp đồng tương tự (đối với loại 2 tại Mục 2.1.c, loại 3).

Trường hợp dự án, gói thầu, hợp đồng được kê khai để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, trong đó gồm công việc vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp hàng hóa, dịch vụ thì được sử dụng để chứng minh tính đáp ứng đối với tiêu chuẩn này.

(iii) Đối với dự án loại 2 và loại 3, trường hợp nhà đầu tư, đối tác tham gia với vai trò là nhà thầu liên danh thì chỉ được sử dụng giá trị phần công việc trực tiếp thực hiện trong liên danh để chứng minh gói thầu, hợp đồng tương tự.

(5) Nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu vào dự án là nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu vào dự án (trong trường hợp nhà đầu tư không thành lập tổ chức kinh tế để triển khai thực hiện dự án), hoặc là cổ đông sáng lập (trong trường hợp nhà đầu tư thành lập tổ chức kinh tế để triển khai thực hiện dự án), hoặc là nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của cổ đông sáng lập trước khi dự án khai thác vận hành.

(6) Cách thức quy đổi các dự án: 01 dự án/gói thầu/hợp đồng thuộc loại 2 bằng 0,7 dự án thuộc loại 1; quy định 01 dự án/gói thầu/hợp đồng thuộc loại 3 bằng 0,5 dự án thuộc loại 1. Trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ: số lượng dự án được làm tròn theo số nguyên (làm tròn lên nếu chữ số bên phải lớn hơn 5, làm tròn xuống nếu số bên phải nhỏ hơn hoặc bằng 5).

(7) Hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn:

- Dự án hoàn thành là dự án có toàn bộ hạng mục công trình được nghiệm thu, đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Dự án hoàn thành phần lớn là dự án thuộc một trong hai trường hợp sau:

- + Có tối thiểu 50% giá trị khối lượng công việc được nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp dự án chưa được nghiệm thu tối thiểu 50% giá trị khối lượng công việc thì phải có giá trị khối lượng công việc được nghiệm thu tối thiểu bằng tổng vốn đầu tư/tổng mức đầu tư của dự án đang xét;

+ Có tối thiểu 50% số lượng hạng mục công trình được nghiệm thu, đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng từng phần theo giai đoạn thi công xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Gói thầu, hợp đồng hoàn thành là gói thầu, hợp đồng mà trong đó công trình, hạng mục công trình đã được nghiệm thu hoàn thành theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Gói thầu, hợp đồng hoàn thành phần lớn là gói thầu, hợp đồng đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 50% giá trị khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình.

(8) Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng mức đầu tư trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.

(9) Trường hợp trong cùng một dự án mà nhà đầu tư, đối tác đã thực hiện các công trình, hạng mục công trình tương tự với công trình chính, hạng mục công trình chính của dự án đang xét, nhà đầu tư, đối tác được cộng tổng giá trị của các công trình, hạng mục công trình này để chứng minh kinh nghiệm tương tự của mình.

(10) Dự án/gói thầu/hợp đồng đã tổ chức vận hành là dự án/gói thầu/hợp đồng đã kết thúc giai đoạn vận hành hoặc đang trong giai đoạn vận hành tối thiểu 03 tháng; trường hợp dự án/gói thầu/hợp đồng có nhiều công trình thì công trình chính đang trong giai đoạn vận hành tối thiểu 03 tháng, trừ trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực quy định khác.

(11) Đánh giá về lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện.

Nhà đầu tư phải kê khai lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện theo Mẫu số 11 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư bảo đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu bên mời thầu, tổ chuyên gia phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và HSDT sẽ bị loại. Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu kiện dẫn đến vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải cập nhật vốn chủ sở hữu để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án theo HSMT, nếu nhà đầu tư vẫn không đáp ứng sẽ bị loại.

Mục 3. Đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh, hiệu quả sử dụng đất

3.1. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá HSDT sử dụng phương pháp chấm điểm. Khi đánh giá HSDT,

nhà đầu tư phải đáp ứng điểm tối thiểu sau đây để được đánh giá xếp hạng:

- a) Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết về phương án đầu tư kinh doanh không thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó;
- b) Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết về hiệu quả sử dụng đất không thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó;
- c) Điểm tối thiểu của từng tiêu chí không thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chí đó.

3.2. Tiêu chuẩn đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh

Việc đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư được thực hiện theo **Bảng số 02** dưới đây:

Ghi chú: Nhà đầu tư có HSDT được đánh giá là “Đạt” khi tất cả tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết, tiêu chí về phương án đầu tư kinh doanh đáp ứng điểm yêu cầu tối thiểu. HSDT của nhà đầu tư được đánh giá là “Không đạt” khi bất kỳ một tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết, tiêu chí về phương án đầu tư kinh doanh không đáp ứng điểm yêu cầu tối thiểu và khi đó, HSDT của nhà đầu tư sẽ bị loại. Nhà đầu tư có HSDT được đánh giá là đạt về phương án đầu tư kinh doanh được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Bảng số 02

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tiêu chuẩn đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu
I	TIÊU CHUẨN CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT	180		108
1	Yêu cầu về sự phù hợp của phương án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất với chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật có liên quan			
1.1	Phạm vi, quy mô đầu tư: Nhà đầu tư đề xuất về phạm vi và quy mô dự án phù hợp với chủ trương đầu tư dự án, quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt.	20		12
	<i>Đề xuất đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		<i>20</i>	
	<i>Đề xuất cơ bản đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		<i>12</i>	
	<i>Không đề xuất</i>		<i>0</i>	
1.2	Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: Nhà đầu tư đề xuất về sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: Phù hợp với đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư; Diễn giải căn cứ pháp lý, cơ sở tính toán, xác định tổng chi phí thực hiện dự án đề xuất (Bao gồm các bảng tính trình bày rõ ràng, thống nhất với các số liệu, kết quả tính toán đề xuất phù hợp với chủ trương đầu tư, quy	20		12

TT	Tiêu chuẩn đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu
	hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt, quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan).			
	<i>Đề xuất đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		20	
	<i>Đề xuất cơ bản đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		12	
	<i>Không đề xuất</i>		0	
1.3	Thời gian, tiến độ thực hiện dự án			
1.3.1	Trình bày đề xuất: Nhà đầu tư đề xuất về thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Thuyết minh kèm theo biểu tiến độ thực hiện dự án thể hiện các nội dung triển khai, hạng mục công việc thực hiện dự án đầu tư đề xuất.	10		6
	<i>Đề xuất đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		10	
	<i>Đề xuất cơ bản đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		6	
	<i>Không đề xuất</i>		0	
1.3.2	Rút ngắn thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Nhà đầu tư đề xuất thời gian, tiến độ thực hiện dự án theo yêu cầu hồ sơ mời thầu.	10		6
	<i>Đề xuất thời gian, tiến độ thực hiện dự án trước năm 2030</i>		10	
	<i>Đề xuất thời gian, tiến độ thực hiện dự án trong năm 2030</i>		6	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>Đề xuất thời gian, tiến độ thực hiện dự án sau năm 2030</i>		0	
1.4	Sơ đồ tổ chức không gian và kiến trúc, cảnh quan đảm bảo đồng bộ với tổng thể công trình: Nhà đầu tư đề xuất giải pháp thiết kế kiến trúc các hạng mục công trình đảm bảo phù hợp với quy hoạch và các chỉ tiêu được thuyết minh tại hồ sơ dự thầu; bản vẽ phối cảnh của các hạng mục công trình, khả thi thực hiện dự án theo quy hoạch phân khu 1/2000.	20		12
	<i>Đề xuất đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		20	
	<i>Đề xuất cơ bản đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		12	
	<i>Không đề xuất</i>		0	
2	Yêu cầu về sự phù hợp với điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; yêu cầu về phương án tổ chức vận hành, kinh doanh			
2.1	Yêu cầu về sự phù hợp với điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực: Nhà đầu tư đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 9, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và các văn bản pháp luật liên quan. Nhà đầu tư có cam kết đáp ứng các điều kiện theo quy định.	20		12

TT	Tiêu chuẩn đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>Nhà đầu tư cam kết và thuyết minh năng lực của nhà đầu tư đáp ứng quy định tại Điều 9, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và các văn bản pháp luật liên quan</i>		20	
	<i>Nhà đầu tư cam kết đáp ứng quy định tại Điều 9, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và các văn bản pháp luật liên quan</i>		12	
	<i>Nhà đầu tư không cam kết</i>		0	
2.2	Yêu cầu về phương án tổ chức vận hành, kinh doanh: Nhà đầu tư đề xuất về phương án tổ chức vận hành, kinh doanh: Thuyết minh về phương án tổ chức vận hành, kinh doanh.	20		12
	<i>Đề xuất đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		20	
	<i>Đề xuất cơ bản đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		12	
	<i>Không đề xuất</i>		0	
3	Yêu cầu về sự đồng bộ của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý đô thị, nhà ở để xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang đô thị; yêu cầu về sự phù hợp của phương án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở			
3.1	Yêu cầu về sự đồng bộ của hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án: Nhà đầu tư đề xuất giải pháp đồng bộ của hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phù hợp với quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt.	20		12

TT	Tiêu chuẩn đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>Đề xuất đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		20	
	<i>Đề xuất cơ bản đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		12	
	<i>Không đề xuất</i>		0	
3.2	Yêu cầu về giải pháp đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội của dự án: Nhà đầu tư đề xuất giải pháp đồng bộ của hệ thống hạ tầng xã hội đảm bảo phù hợp với quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt.	20		12
	<i>Đề xuất đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		20	
	<i>Đề xuất cơ bản đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		12	
	<i>Không đề xuất</i>		0	
3.3	Yêu cầu về sự phù hợp của phương án đầu tư với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở: Nhà đầu tư đề xuất phương án đầu tư phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.	20		12
	<i>Đề xuất đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		20	
	<i>Đề xuất cơ bản đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		12	
	<i>Không đề xuất</i>		0	
II	TIÊU CHUẨN CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ VỀ XÃ HỘI	40		24

TT	Tiêu chuẩn đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu
1	Yêu cầu về phương án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai: Nhà đầu tư có phương án về chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai kèm theo cam kết trong hồ sơ dự thầu việc ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.	20		12
	<i>Nhà đầu tư có phương án về chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai kèm theo cam kết trong hồ sơ dự thầu việc ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và đề xuất thêm phương án hỗ trợ.</i>		20	
	<i>Nhà đầu tư có phương án về chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai kèm theo cam kết trong hồ sơ dự thầu việc ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.</i>		12	
	<i>Nhà đầu tư không cam kết</i>		0	
2	Yêu cầu về khả năng đóng góp phúc lợi xã hội cho người lao động tại địa phương: Nhà đầu tư đề xuất về phương án đóng góp phúc lợi xã hội cho người lao động tại địa phương thông qua việc sử dụng lao động địa phương, đào tạo nguồn nhân lực	20		12

TT	Tiêu chuẩn đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu
	hoặc các hoạt động phúc lợi xã hội khác mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương, phù hợp với nhu cầu của địa phương nơi thực hiện dự án.			
	<i>Có đề xuất về phương án đóng góp phúc lợi xã hội cho người lao động tại địa phương thông qua việc sử dụng lao động địa phương, đào tạo nguồn nhân lực và các hoạt động phúc lợi xã hội khác mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương và có cam kết thực hiện nội dung này trong hồ sơ dự thầu.</i>		20	
	<i>Có đề xuất về phương án đóng góp phúc lợi xã hội cho người lao động tại địa phương thông qua việc sử dụng lao động địa phương, đào tạo nguồn nhân lực và có cam kết thực hiện nội dung này trong hồ sơ dự thầu.</i>		12	
	<i>Không đề xuất</i>		0	
III	TIÊU CHUẨN CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ VỀ MÔI TRƯỜNG Dự án thuộc Dự án đầu tư nhóm I có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường: Nhà đầu tư cần đề xuất giải pháp, biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong quá trình thi công và vận hành dự án, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Nhà đầu tư có cam kết thực hiện đầy đủ các thủ tục môi trường theo quy định của pháp luật Bảo vệ môi trường.	30		18
	<i>Đề xuất đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		30	
	<i>Đề xuất cơ bản đầy đủ, chi tiết, đáp ứng yêu cầu HSMT</i>		18	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>Không đề xuất</i>		0	
TỔNG ĐIỂM		250		150

3.3. Tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả sử dụng đất:

Tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả sử dụng đất được xác định trên cơ sở tỷ lệ tối thiểu nộp ngân sách nhà nước (m) quy định tại khoản 3 Điều 48 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP và được xác định theo công thức sau:

$$m = \frac{\sum_{i=1}^n \frac{X_i - Y_i}{Y_i}}{n} \times 100\%$$

Trong đó:

X_i : là giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất của khu đất, quỹ đất, thửa đất tham chiếu thứ i.

Y_i : là giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất của khu đất, quỹ đất, thửa đất tham chiếu thứ i.

n: là số khu đất, quỹ đất, thửa đất tham chiếu.

$$m = 4,92\%$$

Nhà đầu tư đề xuất tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước trong hồ sơ dự thầu (M) căn cứ tỷ lệ tối thiểu nộp ngân sách nhà nước (m) quy định tại hồ sơ mời thầu, trong đó $M \geq m$. Việc nộp giá trị M vào ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 48 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

Việc đánh giá về hiệu quả sử dụng đất của nhà đầu tư được thực hiện theo **Bảng số 03** dưới đây:

Ghi chú: (1) Điểm hiệu quả sử dụng đất (Gt) được xác định như sau:

Trường hợp nhà đầu tư đề xuất tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước trong hồ sơ dự thầu (M) trong khoảng từ trên 4,92% đến dưới tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước trong hồ sơ dự thầu cao nhất trong số các nhà đầu tư được đánh giá HSDT, số điểm hiệu quả sử dụng đất của nhà đầu tư đang xét được xác định như sau:

$$Gt = 500 - 200 \times (M_{\text{cao nhất}} - M_t) / (M_{\text{cao nhất}} - 4,92\%)$$

Trong đó:

- Gt: số điểm hiệu quả sử dụng đất của nhà đầu tư đang xét
- M_t : tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước trong hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư đang xét
- $M_{\text{cao nhất}}$: tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước trong hồ sơ dự thầu cao nhất trong số các nhà đầu tư được đánh giá HSDT

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT

TT	Tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả sử dụng đất	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
I	Tiêu chuẩn chi tiết đánh giá về hiệu quả sử dụng đất	500		300	
	Nhà đầu tư đề xuất tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước trong hồ sơ dự thầu (M) thỏa mãn: <i>$M > m$ và là cao nhất trong số các nhà đầu tư được đánh giá HSDT ($M_{cao nhất}$)</i>		500		
	Nhà đầu tư đề xuất tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước trong hồ sơ dự thầu (M) thỏa mãn: <i>$m < M < M_{cao nhất}$</i>		Gt ⁽¹⁾		
	Nhà đầu tư đề xuất tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước trong hồ sơ dự thầu (M) thỏa mãn: <i>$M = m$</i>		300		
	Nhà đầu tư không đề xuất tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước trong hồ sơ dự thầu (M) hoặc đề xuất tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước trong hồ sơ dự thầu (M) thấp hơn tỷ lệ tối thiểu nộp ngân sách nhà nước (m) <i>Không đề xuất M hoặc $M < m$</i>		0		
TỔNG ĐIỂM		500		300	

Mục 4. Điểm tổng hợp

1. Điểm tổng hợp được xác định trên cơ sở tổng số điểm về năng lực, kinh nghiệm, phương án đầu tư kinh doanh, hiệu quả sử dụng đất (đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP) theo tỷ trọng tương ứng của từng tiêu chuẩn được quy định tại HSMT, bảo đảm tổng tỷ trọng là 100%.

2. Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau:

$$T = T_1 + T_2 + T_3$$

Trong đó:

T_1 = điểm năng lực, kinh nghiệm

T_2 = điểm phương án đầu tư kinh doanh

T_3 = điểm hiệu quả sử dụng đất

3. Nhà đầu tư phải đáp ứng điểm tối thiểu sau đây để được đánh giá, xếp hạng:

- a) Điểm tổng hợp tối thiểu không được thấp hơn **70%** tổng số điểm;
- b) Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết về năng lực, kinh nghiệm không thấp hơn **60%** điểm tối đa của tiêu chuẩn đó;
- c) Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết về phương án đầu tư kinh doanh không thấp hơn **60%** điểm tối đa của tiêu chuẩn đó;
- d) Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết về hiệu quả sử dụng đất không thấp hơn **60%** điểm tối đa của tiêu chuẩn đó;
- đ) Điểm tối thiểu của từng tiêu chí không thấp hơn **60%** điểm tối đa của tiêu chí đó.

4. Nhà đầu tư đáp ứng điểm tối thiểu của từng tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Mục này và có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

1. Mẫu số 01: Đơn dự thầu
2. Mẫu số 02: Giấy uỷ quyền
3. Mẫu số 03: Thoả thuận liên danh
4. Mẫu số 04: Thông tin về nhà đầu tư
5. Mẫu số 05: Các đối tác cùng thực hiện dự án
6. Mẫu số 06: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
7. Mẫu số 07: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư
8. Mẫu số 08: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự
9. Mẫu số 09: Đề xuất về kỹ thuật
10. Mẫu số 10: Bảo lãnh dự thầu
11. Mẫu số 11: Lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện
12. Mẫu số 12: Đề xuất về tài chính

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu của dự án ____ [ghi tên dự án] do ____ [ghi tên bên mời thầu] (sau đây gọi tắt là Bên mời thầu) phát hành ngày ____ [ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời thầu cho nhà đầu tư] và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ ngày ____ [ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có], chúng tôi, ____ [ghi tên nhà đầu tư] cam kết thực hiện dự án nêu trên theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Chúng tôi nộp đơn dự thầu với dự án nêu trên và cam kết thực hiện đề xuất về tài chính với nội dung sau:

- Tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước: ____ [ghi nội dung thông tin đề xuất]

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời thầu bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác theo yêu cầu của Bên mời thầu.

Chúng tôi cam kết⁽²⁾:

1. Chỉ tham gia trong một về hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà đầu tư độc lập, thành viên liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở các hành vi vi phạm khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự dự án này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là chính xác, trung thực.

6. Đối tác được chúng tôi đề xuất tại hồ sơ dự thầu này để chứng minh kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự sẽ là ____ [ghi vai trò của đối tác là nhà thầu xây lắp hoặc nhà thầu vận hành] sau khi trúng thầu⁽³⁾.

7. Tổ chức kinh tế được chúng tôi thành lập để thực hiện dự án sau khi trúng thầu sẽ kế thừa quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư trúng thầu theo cam kết tại hồ sơ dự thầu và quy định tại hợp đồng dự án và thực hiện nghĩa vụ tài chính về nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai⁽⁴⁾.

8. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình đấu thầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ___ ngày *[ghi số ngày]*⁽⁵⁾, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ⁽⁶⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]⁽⁷⁾

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà đầu tư, thời gian có hiệu lực của HSDT.

(2) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư bị coi là có hành vi gian lận, HSDT bị loại và nhà đầu tư sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

(3) Không áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư không sử dụng đối tác để triển khai dự án.

(4) Không áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư không thành lập tổ chức kinh tế để triển khai dự án.

(5) Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 01 ngày.

(6) Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

(7) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong HSDT là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà đầu tư*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà đầu tư*], bằng văn bản này ủy quyền cho: ____ [*ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu dự án ____ [*ghi tên dự án*] do ____ [*ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[*Phạm vi ủy quyền gồm một hoặc một số công việc sau:*

- Ký đơn dự thầu;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;
- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);
- Các công việc khác [*ghi rõ nội dung các công việc (nếu có)*].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà đầu tư*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽¹⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ ____ bản. Người được ủy quyền giữ ____ bản. Đính kèm theo bản gốc của hồ sơ dự thầu một (01) bản gốc.

Người được ủy quyền

Người ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*⁽²⁾]

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*⁽³⁾]

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

(2), (3) Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ___ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ___ ngày___ tháng___ năm___ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án ___ [*ghi tên dự án*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: ___ [*ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho ____ *[ghi tên một thành viên]* là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau *(có thể điều chỉnh, bổ sung theo thỏa thuận của các bên)*:

[Thành viên đứng đầu liên danh có thể đại diện cho liên danh để thực hiện một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn dự thầu;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;
- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư *(nếu có)*;
- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng *(ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)*.

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh ⁽¹⁾ *[ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm góp vốn chủ sở hữu trong liên danh]*:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia <i>[Ghi phân công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...)]</i>	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay nhà đầu tư phải huy động
			Giá trị	Tỷ lệ %	
1	Thành viên 1 <i>[Đứng đầu liên danh]</i>			<i>[tối thiểu 30%]</i>	

2	Thành viên 2			<i>[tối thiểu 15%]</i>	
...					
Tổng				100%	

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- [- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*
- Bồi thường thiệt hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định nêu trong hợp đồng;*
- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].*

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;
 - Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;
 - Liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu thông báo của bên mời thầu.
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành ____ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ ____ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự thầu 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ⁽²⁾

[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh,

ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽³⁾]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:
2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư:
3. Năm thành lập công ty:
4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại/fax:
 - Địa chỉ e-mail:
6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]***Ghi chú:**

Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này. Nhà đầu tư/liên danh cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp; đối với nhà đầu tư nước ngoài: có tài liệu chứng minh đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài.

CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN⁽¹⁾

1. Thông tin đối tác

TT	Tên đối tác ⁽²⁾	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia ⁽³⁾	Giá trị và khối lượng công việc tham gia ⁽⁴⁾	Người đại diện theo pháp luật	Hợp đồng với đối tác ⁽⁵⁾
1	Công ty 1		[Tổ chức cung cấp tài chính]			
2	Công ty 2		[Nhà thầu xây lắp]			
3	Công ty 3		[Nhà thầu vận hành/ Quản lý]			
						

2. Thông tin về dự án/gói thầu/hợp đồng đối tác đang thực hiện

[Đối tác liệt kê dự án/gói thầu/hợp đồng đang thực hiện theo yêu cầu của HSMQT:

1. Dự án/gói thầu/hợp đồng số 01: ____ [ghi tên dự án]

Tên đối tác cùng thực hiện dự án	
1	Số hợp đồng: _____ Ngày ký: _____
2	Tên dự án/gói thầu/hợp đồng: _____
3	Lĩnh vực đầu tư của dự án/gói thầu/hợp đồng: _____
4	Tham gia dự án với vai trò: ☐ Nhà thầu xây lắp ☐ Nhà thầu vận hành ☐ Thành viên liên danh ☐ Nhà thầu trực tiếp cung cấp hàng hóa, dịch vụ

5	Tên cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu/hợp đồng) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
6	Thông tin chi tiết Mô tả ngắn gọn về phạm vi, nội dung, giá trị công việc, yêu cầu thực hiện công việc, yêu cầu khác (nếu có) của dự án/gói thầu/hợp đồng đang thực hiện
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ - Yêu cầu thực hiện công việc: - Yêu cầu khác (nếu có):
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:

2. Dự án/gói thầu/hợp đồng số 02: ____ *[ghi tên dự án/gói thầu/hợp đồng]*

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp có sự tham gia của các đối tác thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của các đối tác thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “vai trò tham gia”. Sau đó, nếu trúng thầu thì khi huy động các đối tác thực hiện công việc đã kê khai thì phải thông báo cho bên mời thầu.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(4) Trường hợp sử dụng kinh nghiệm của đối tác để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự của mình, nhà đầu tư phải đề xuất tên, vai trò giá trị và khối lượng công việc mà đối tác tham gia trong dự án. Sau đó, nếu trúng thầu thì giá trị và khối lượng công việc mà đối tác tham gia trong dự án phải được nêu trong hợp đồng.

(5) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng kèm theo bản chụp được chứng thực tài liệu đó. Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác phải được ký bởi đại diện hợp pháp của các bên. Đại diện hợp pháp của các bên là người đại diện theo pháp luật của các bên hoặc người được người đại diện theo pháp luật của các bên ủy quyền.

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽²⁾:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính ⁽³⁾:

STT	Nội dung	Giá trị
I	Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án	
II	Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến tranh chấp, khiếu kiện (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện ⁽⁴⁾ (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có)	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm⁽⁵⁾

- Báo cáo tài chính hoặc báo cáo đối với các khoản, mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm; trường hợp không có báo cáo tài chính hoặc báo cáo đối với các khoản, mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm thì nộp báo cáo tài chính hoặc báo cáo đối với khoản, mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của năm liền trước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán.

- Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng thì vốn chủ sở hữu được xác định theo vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, phải đính kèm tài liệu chứng minh vốn điều lệ của doanh nghiệp.

- Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh sách dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có). Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và bị loại.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu, tổ chuyên gia bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh sách dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

(5) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;...).

CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

1. Tôi là ____ *[ghi tên]*, ____ *[ghi chức vụ]*, là đại diện hợp pháp của ____ *[ghi tên nhà đầu tư/tên liên danh nhà đầu tư]*, xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	Giá trị ⁽¹⁾
I. Vốn chủ sở hữu cam kết góp vào dự án:	
1.	
2.	
...	
II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:	
1.	
2.	
...	

3. Tài liệu kèm theo:

- Đối với vốn chủ sở hữu: Văn bản cam kết bảo đảm đủ vốn chủ sở hữu theo phương án tài chính cho dự án của đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ kèm theo các tài liệu chứng minh về thẩm quyền ký cam kết.

- Đối với vốn vay: Văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác theo quy định của pháp luật kèm theo các tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký cam kết.

- Tài liệu liên quan khác.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Ghi số tiền bằng số, bằng chữ theo đồng tiền dự thầu.

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯƠNG TỰ⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

[Nhà đầu tư/đối tác liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án/gói thầu/hợp đồng tương tự theo yêu cầu của HSMT]

1. Dự án/gói thầu/hợp đồng số 01: ____ *[ghi tên dự án/gói thầu/hợp đồng]*

Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh/đối tác cùng thực hiện dự án	
1	Số hợp đồng: _____ Ngày ký: _____
2	Tên dự án/gói thầu/hợp đồng: _____
3	Lĩnh vực đầu tư của dự án/gói thầu/hợp đồng: Loại công trình của dự án/gói thầu/hợp đồng: _____
4	Tham gia dự án với vai trò: ☐ Nhà đầu tư độc lập ☐ Thành viên liên danh ☐ Nhà thầu xây lắp ☐ Nhà thầu vận hành ☐ Nhà thầu trực tiếp cung cấp hàng hóa/dịch vụ ☐ Tổ chức kinh tế do nhà thầu thành lập để thực hiện dự án
5	Tên cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu/hợp đồng) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
6	Thông tin chi tiết
6.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu vào dự án hoặc là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập để thực hiện dự án
	Tổng mức đầu tư (tổng vốn đầu tư): _____
	Quy mô công suất: _____
	Cấp công trình: _____
	Số lượng, chủng loại hàng hóa, dịch vụ được cung cấp: _____

	Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án ⁽²⁾: ☐ Đang trong giai đoạn xây dựng, đã nghiệm thu hạng mục công trình ____ [<i>ghi cụ thể số lượng, giá trị hạng mục công trình đã được nghiệm thu hoàn thành</i>]. ☐ Đã nghiệm thu công trình, đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng. ☐ Đã nghiệm thu giá trị khối lượng công việc ____ [<i>ghi cụ thể giá trị, tỷ lệ giá trị khối lượng công việc được nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng</i>]. ☐ Đang trong giai đoạn vận hành: ____ [<i>ghi cụ thể thời gian vận hành kể từ ngày dự án, công trình chuyển sang giai đoạn vận hành</i>]. ☐ Đã kết thúc.
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
6.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án/gói thầu/hợp đồng với vai trò nhà thầu:
	Tổng mức đầu tư (tổng vốn đầu tư):
	Quy mô công suất:
	Cấp công trình:
	Số lượng, chủng loại hàng hóa, dịch vụ được cung cấp:
	Phạm vi công việc tham gia thực hiện: [<i>ghi cụ thể số lượng, tên (các) hạng mục công trình</i>]
	Giá trị phần công việc tham gia thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ [<i>ghi cụ thể giá trị từng hạng mục công trình</i>]
	Tiến độ, chất lượng thực hiện⁽³⁾: ☐ Đã nghiệm thu toàn bộ công trình, hạng mục công trình đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng. ☐ Đã nghiệm thu công trình, hạng mục công trình: ____ [<i>ghi cụ thể số lượng, giá trị hạng mục công trình đã được nghiệm thu hoàn thành, nêu rõ hạng mục công trình nào đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng từng phần theo giai đoạn thi công xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng</i>]. ☐ Đã nghiệm thu giá trị khối lượng công việc ____ [<i>ghi cụ thể giá trị, tỷ lệ giá trị khối lượng công việc được nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng</i>]. ☐ Đang trong giai đoạn vận hành: ____ [<i>ghi cụ thể thời gian vận hành kể từ ngày dự án, công trình chuyển sang giai đoạn vận hành</i>]. ☐ Đã kết thúc giai đoạn vận hành.
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:

Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:

2. Dự án/gói thầu/hợp đồng số 02: ____ *[ghi tên dự án/gói thầu/hợp đồng]*

...

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này để phù hợp với tiêu chí đánh giá về kinh nghiệm của nhà đầu tư

(2), (3) Nhà đầu tư cung cấp tài liệu được cấp có thẩm quyền xác nhận công trình, hạng mục công trình được nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; xác nhận công trình, hạng mục công trình được nghiệm thu, đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc xác nhận đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và một hoặc các tài liệu sau:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản tương đương theo quy định của pháp luật về đầu tư tương ứng trong từng thời kỳ.

- Hợp đồng ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư (đối với dự án, gói thầu có hợp đồng đã ký kết).

- Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình hoặc văn bản tương đương của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng tương ứng với từng thời kỳ.

Đối với kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, nhà đầu tư cung cấp tài liệu được cấp có thẩm quyền xác nhận việc vận hành đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật khác có liên quan hoặc văn bản chứng minh giao dịch dân sự đã thực hiện.

ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án và tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, HSMT yêu cầu nhà đầu tư chuẩn bị các nội dung, biểu mẫu đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu thuyết minh đính kèm (nếu có) làm cơ sở để đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh, gồm các nội dung sau đây:

I. Về kỹ thuật

1. Phương án đầu tư công trình dự án (gồm phạm vi, quy mô, sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, thời gian, tiến độ, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình, sơ đồ tổ chức không gian và kiến trúc, cảnh quan đảm bảo đồng bộ với tổng thể công trình);

2. Điều kiện kinh doanh, khai thác theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có); phương án tổ chức vận hành, kinh doanh;

3. Thuyết minh về sự đồng bộ của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý đô thị, nhà ở để xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang đô thị; thuyết minh về sự phù hợp của phương án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở (đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có công năng phục vụ hỗn hợp);

II. Về xã hội

1. Phương án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có). Trường hợp dự án có yêu cầu nhà đầu tư ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì hồ sơ mời thầu phải quy định nguyên tắc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai. Nhà đầu tư phải cam kết trong hồ sơ dự thầu việc ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo yêu cầu trong hồ sơ mời thầu của cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Phương án sử dụng lao động tại địa phương, đào tạo nguồn nhân lực hoặc các hoạt động phúc lợi xã hội khác mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương, phù hợp với nhu cầu của địa phương nơi thực hiện dự án);

III. Về môi trường

Căn cứ yêu cầu tại HSMT, nhà đầu tư đề xuất nội dung sau phù hợp với yêu cầu thực hiện dự án:

1. Giải pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường.

IV. Về thực hiện dự án

Nhà đầu tư phải đề xuất hình thức quản lý thực hiện dự án (thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án hoặc trực tiếp thực hiện dự án theo quy định tại khoản 1

Điều 51 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP) và cam kết triển khai thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại Điều 51 và Điều 52 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

BẢO LÃNH DỰ THẦU ⁽¹⁾

Bên thụ hưởng: _____ *[ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]*

Ngày phát hành bảo lãnh: _____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

Bảo lãnh dự thầu số: _____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: _____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng _____ *[ghi tên nhà đầu tư theo đúng đơn dự thầu]* (sau đây gọi là “Bên yêu cầu bảo lãnh”) sẽ tham gia đấu thầu dự án _____ *[ghi tên dự án]* theo Thông báo mời thầu số _____ *[ghi số trích yếu của Thông báo mời thầu được đăng tải trên Hệ thống]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà đầu tư tham gia đấu thầu dự án bằng một khoản tiền là _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____ ⁽²⁾ ngày, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____ ⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền với tổng số tiền là _____ *[ghi bằng chữ]* *[ghi bằng số]* khi nhận được văn bản thông báo nhà đầu tư vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ ⁽⁴⁾:

1. Nhà đầu tư rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;

2. Nhà đầu tư vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 33.1 CDNĐT của hồ sơ mời thầu;

3. Nhà đầu tư được lựa chọn không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 CDNĐT của hồ sơ mời thầu;

4. Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNĐT của hồ sơ mời thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên liên danh sẽ không được hoàn trả ⁽⁵⁾.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 17.1 **BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21.1 **BDL**.

(4) Trường hợp nội dung thư bảo lãnh liệt kê thiếu một trong các hành vi vi phạm thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu theo quy định tại Mục 17.3 CDNĐT.

(5) Áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư liên danh.

LỊCH SỬ TRANH CHẤP, KHIẾU KIỆN ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN⁽¹⁾

Tên nhà đầu tư: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà đầu tư liên danh (nếu có): _____

Các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện				
Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây: ☐ Không có tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện. ☐ Dưới đây là mô tả về các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện mà nhà đầu tư là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà đầu tư liên danh).				
Năm	Mô tả dự án	Vấn đề tranh chấp, khiếu kiện	Giá trị tranh chấp, khiếu kiện ⁽²⁾	Tỷ lệ tương ứng với vốn chủ sở hữu
	Mô tả dự án: _____ Tên cơ quan có thẩm quyền: _____ Tên cơ quan ký kết hợp đồng (nếu có): _____ Địa chỉ: _____			

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư bảo đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và HSĐT sẽ bị loại. Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp dẫn đến vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải cập nhật vốn chủ sở hữu để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án theo HSMT, nếu nhà đầu tư vẫn không đáp ứng sẽ bị loại.

Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Đồng tiền là đồng tiền quy định tại Mục 16.1 BDL.

ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH

Nhà đầu tư đề xuất cụ thể phương án để thuyết minh hiệu quả sử dụng đất phù hợp với tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước đã nêu tại Đơn dự thầu như sau:

Thuyết minh tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước, hình thức, thời hạn nộp ngân sách nhà nước theo yêu cầu tại dự thảo hợp đồng.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời thầu, tổ chuyên gia căn cứ nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư để xác định yêu cầu thực hiện dự án, nghĩa vụ tài chính cũng như các trách nhiệm có liên quan khác, gồm:

I. Thông tin về dự án

Bên mời thầu, tổ chuyên gia cập nhật các nội dung có liên quan đến dự án để nhà đầu tư chuẩn bị HSDT bao gồm:

1. Tên dự án; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án;

a. Tên dự án: Khu đô thị cao cấp Mê Linh tại các xã Đại Thịnh, Thanh Lâm, Mê Linh, huyện Mê Linh.

b. Mục tiêu dự án:

- Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Mê Linh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch phân khu đô thị N1, tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt tại Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND thành phố Hà Nội; góp phần xây dựng mục tiêu do Bộ Chính trị đặt ra tại Nghị quyết số 15-NQ-TW ngày 05/5/2022 về mục tiêu xây dựng mô hình thành phố trực thuộc Thủ đô tại khu vực phía Bắc (vùng Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn).

- Nghiên cứu xây dựng Khu đô thị mới cao cấp, hiện đại, đẳng cấp, đồng bộ về quy hoạch, không gian kiến trúc cảnh quan, khai thác triệt để hiệu quả quỹ đất; hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho khu vực.

c. Quy mô dự án:

**** Quy mô sử dụng đất:** Tổng diện tích đất nghiên cứu theo quy hoạch khoảng 205ha, trong đó:

- Đất giao thông: diện tích 53ha;
- Đất hạ tầng - nhà máy xử lý nước thải: diện tích 4,05ha;
- Đất điểm trung chuyển đa phương thức: diện tích 1,82ha;
- Đất bãi đỗ xe: diện tích 5,70ha.

- Đất giáo dục cấp đô thị (THPT): diện tích 1,36 ha, mật độ xây dựng 14%-35%, tầng cao dự kiến 2-4 tầng;

- Đất giáo dục cấp đơn vị ở (TH, THCS): diện tích 3,70ha, mật độ xây dựng 14%-35%, tầng cao dự kiến 2-3 tầng, diện tích xây dựng khoảng 4.537m², diện tích sàn xây dựng khoảng 13.162m²;

- Đất giáo dục đơn vị ở (mầm non): diện tích 3,36ha, mật độ xây dựng 14%-40%, tầng cao dự kiến 2-3 tầng, diện tích xây dựng khoảng 8.204m², diện tích sàn xây dựng 24.613m²;

- Đất cây xanh Thành phố: diện tích 7,34 ha, mật độ xây dựng 5%, tầng cao dự kiến 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 3.669m², diện tích sàn xây dựng khoảng 3.669m²;

- Đất cây xanh khu vực: diện tích 33,92ha, mật độ xây dựng 5%, tầng cao dự kiến 1 tầng, diện tích xây dựng khoảng 16.958m², diện tích sàn xây dựng khoảng 16.958m²;

- Đất cây xanh đơn vị ở diện tích 9,41ha, mật độ xây dựng 5%, tầng cao dự kiến 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 4.703m², diện tích sàn xây dựng khoảng 4.703m²;

- Đất công cộng Thành phố: diện tích 5,45ha, mật độ xây dựng 20%-40%, tầng cao dự kiến 3-30 tầng, diện tích xây dựng khoảng 10.898m², diện tích sàn xây dựng khoảng 54.490m²;

- Đất công cộng khu vực: diện tích 1,65ha, mật độ xây dựng 20%-40%, tầng cao dự kiến 3-25 tầng, diện tích xây dựng khoảng 3.307m², diện tích sàn xây dựng khoảng 9.920m²;

- Đất công cộng đơn vị ở: 2,81ha;

- Đất công trình nhà ở xây dựng mới với tổng diện tích đất khoảng 71,45ha gồm:

+ Nhà ở thương mại:

++ Công trình nhà ở liên kề: số căn hộ dự kiến khoảng 1.200 căn, diện tích đất khoảng 35,63ha, tầng cao dự kiến 3-6 tầng, mật độ xây dựng 30%-40%, diện tích xây dựng khoảng 124.696m², diện tích sàn xây dựng khoảng 623.478m², diện tích sân nhà ở khoảng 623.478m².

++ Công trình nhà ở biệt thự: số căn hộ dự kiến khoảng 250 căn hộ, diện tích đất 10,24ha, tầng cao dự kiến 3-6 tầng, mật độ xây dựng 30%-40%, diện tích xây dựng khoảng 30.729m², diện tích sàn xây dựng khoảng 92.187m², diện tích sân nhà ở khoảng 92.187m².

++ Công trình chung cư cao tầng: số căn hộ dự kiến khoảng 1.550 căn hộ, diện tích đất 7,71 ha, tầng cao dự kiến 3-25 tầng, mật độ xây dựng 20%-40% diện tích xây dựng khoảng 15.428m², diện tích sàn xây dựng khoảng 293.140m², diện tích sân nhà ở khoảng 120.342m².

- Quỹ đất phát triển nhà ở xã hội: diện tích 17,86ha bao gồm:

+ Đất nhà ở xã hội cao tầng: diện tích đất 15,29ha, số căn hộ dự kiến khoảng 3.150 căn, tầng cao dự kiến 3-15 tầng, mật độ xây dựng 30%-40%, diện tích xây dựng khoảng 45.870m², diện tích sàn xây dựng khoảng 458.703m², diện tích sàn nhà ở khoảng 220.177m²;

+ Đất hỗn hợp có nhà ở xã hội cao tầng: diện tích đất 2,57ha, số căn hộ dự kiến khoảng 350 căn, tầng cao dự kiến 3-25 tầng, mật độ xây dựng 20%-40% diện tích xây dựng khoảng 5.143m², diện tích sàn xây dựng khoảng 51.428m², diện tích sàn nhà ở khoảng 24.685m²;

Công suất thiết kế và quy mô dân số nêu trên xác định trên cơ sở phân bố dân số theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch phân khu đô thị N1 được phê duyệt. Công suất thiết kế và quy mô dân số cụ thể sẽ được xác định và cập nhật trong giai đoạn lập đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của Dự án.

**** Dân số:** khoảng 21.000 người.

2. **Tổng vốn đầu tư của dự án: 14.929,194 tỷ đồng** (Bằng chữ: Mười bốn nghìn chín trăm hai mươi chín tỷ, một trăm chín mươi tư triệu đồng./.), trong đó:

- Sơ bộ chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) dự kiến: **khoảng 13.617,040 tỷ đồng** (Bằng chữ: Mười ba nghìn sáu trăm mười bảy tỷ, không trăm bốn mươi triệu đồng./.).

- Sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự kiến: **khoảng 1.312,154 tỷ đồng** (Bằng chữ: Một nghìn ba trăm mười hai tỷ, một trăm năm mươi tư triệu đồng./.).

(Vốn đầu tư của dự án chưa bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Vốn đầu tư của dự án sẽ được chuẩn xác khi có kết quả đấu thầu dự án và lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng theo quy định).

3. **Địa điểm thực hiện dự án:** tại các ô đất I.1.3, I.1.4, I.3.1, I.3.3, I.3.4 và I.4.2 thuộc phân khu đô thị N1, xã Đại Thịnh, Thanh Lâm, Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

4. **Mục đích sử dụng đất; Hiện trạng sử dụng đất (nếu có);**

- **Mục đích sử dụng đất:** phù hợp với Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu đô thị N1, tỷ lệ 1/2000, địa điểm: Thị trấn Quang Minh, các xã Kim Hoa, Thanh Lâm, Đại Thịnh, Văn Khê, Mê Linh, Tráng Việt, Tiên Phong - huyện Mê Linh và xã Đại Mạch - huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và Quyết định chấp thuận chủ trương

đầu tư số 1235/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội. Cơ cấu chức năng như sau:

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích đất dự án (ha)	Tỷ lệ đất (%)
1	Đất ở	45,87	22,4
1.1	Đất ở liền kề	35,63	17,4
1.2	Đất ở biệt thự	10,24	5,0
2	Đất nhà ở xã hội cao tầng	15,29	7,5
3	Đất hỗn hợp có ở	7,71	3,8
4	Đất hỗn hợp có nhà ở xã hội cao tầng	2,57	1,3
5	Đất công cộng đơn vị ở	2,81	1,4
6	Đất công cộng khu vực	1,65	0,8
7	Đất công cộng thành phố	5,45	2,7
8	Đất cây xanh đơn vị ở	9,41	4,6
9	Đất cây xanh khu vực	33,92	16,5
10	Đất cây xanh thành phố	7,34	3,6
11	Đất giáo dục cấp đơn vị ở (mầm non)	3,36	1,6
12	Đất giáo dục cấp đơn vị ở (TH, THCS)	3,70	1,8
13	Đất giáo dục cấp đô thị (THPT)	1,36	0,7
14	Bãi đỗ xe	5,70	2,8
15	Điểm trung chuyển đa phương thức	1,82	0,9
16	Hạ tầng - Nhà máy xử lý nước thải	4,05	2,0
17	Đất giao thông	53,00	25,9
	Tổng cộng	205,00	100,0

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Hiện trạng sử dụng đất trong ranh giới đề xuất dự án 205ha.

TT	Hiện trạng sử dụng đất	Diện tích (ha)
----	------------------------	----------------

	Tổng diện tích dự án	205
1	Đất trồng lúa nước	150,55
2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, hỏa táng	3,77
3	Đất nuôi trồng thủy sản	4,04
4	Đất trồng cây hàng năm	37,65
5	Đất giao thông	8,76
6	Đất ở nông thôn	0,23

5. *Diện tích khu đất thực hiện dự án:* khoảng 205ha.

6. *Các chỉ tiêu quy hoạch:* phù hợp với Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu đô thị N1, tỷ lệ 1/2000, địa điểm: Thị trấn Quang Minh, các xã Kim Hoa, Thanh Lâm, Đại Thịnh, Văn Khê, Mê Linh, Tráng Việt, Tiền Phong - huyện Mê Linh và xã Đại Mạch - huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 1235/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội.

7. *Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án:*

- *Thời hạn hoạt động của dự án:* 50 năm (được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất; thời hạn giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai).

- *Tiến độ thực hiện dự án:* từ năm 2025 - 2030.

8. *Tên bên mời thầu:* Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh

9. *Hình thức và phương thức lựa chọn nhà đầu tư:* Đấu thầu rộng rãi quốc tế, một giai đoạn một túi hồ sơ.

10. *Các nội dung liên quan khác:* theo Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu đô thị N1, tỷ lệ 1/2000, địa điểm: Thị trấn Quang Minh, các xã Kim Hoa, Thanh Lâm, Đại Thịnh, Văn Khê, Mê Linh, Tráng Việt, Tiền Phong - huyện Mê Linh và xã Đại Mạch - huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 1235/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội.

II. Yêu cầu về thực hiện dự án

Nội dung đánh giá chi tiết tại Bảng số 02 Tiêu chuẩn đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh, Mục 3, Chương III của HSMT, bao gồm các tiêu chuẩn chi tiết sau:

1. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

1.1. Yêu cầu về sự phù hợp của phương án đầu tư công trình dự án (gồm phạm vi, quy mô, sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, thời gian, tiến độ, sơ đồ tổ chức không gian và kiến trúc, cảnh quan đảm bảo đồng bộ với tổng thể công trình) với chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật có liên quan

• Địa điểm thực hiện dự án:

Khu vực nghiên cứu lập đề xuất Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị cao cấp Mê Linh thuộc địa giới hành chính xã Đại Thịnh, Thanh Lâm, Mê Linh, huyện Mê Linh thành phố Hà Nội.

Ranh giới Khu đô thị cao cấp Mê Linh được xác định như sau:

+ Phía Đông: giáp khu đất ở dân cư hiện hữu, đất nông nghiệp của các xã Đại Thịnh, Tiên Phong, Mê Linh.

+ Phía Tây: giáp khu đất ở dân cư hiện hữu, đất nông nghiệp xã Đại Thịnh, giáp trung tâm hành chính huyện Mê Linh, giáp tuyến đường Đại Thịnh.

+ Phía Nam: giáp khu đất ở dân cư hiện hữu, đất nông nghiệp các xã Đại Thịnh, Mê Linh, giáp tuyến đường trục chính Mê Linh.

+ Phía Bắc: giáp khu đất ở dân cư hiện hữu, đất nông nghiệp các xã Thanh Lâm, Đại Thịnh.

• Mục tiêu dự án:

- Cụ thể hóa Quy hoạch phân khu đô thị N1, tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt tại Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND thành phố Hà Nội.

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu, cập nhật đồng bộ Quy hoạch vùng huyện Mê Linh đang được lập đồ án theo Quyết định 601/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mê Linh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Góp phần đưa huyện Mê Linh thành một vùng đô thị công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp sinh thái kết hợp công nghệ cao. Đến năm 2030, Mê Linh trở thành vùng phát triển của thành phố, có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản hoàn chỉnh, các vùng nông thôn được cải tạo và phát triển bảo đảm tiêu chí theo mô hình nông thôn mới, xây dựng và phát triển một số khu đô thị xanh, đô thị sinh thái.

- Mục tiêu hình thành khu đô thị mới cao cấp nằm tại trung tâm huyện Mê Linh, tạo dựng nên bộ mặt mới cho đô thị Mê Linh nói riêng và góp phần tạo nên hình ảnh một đô thị vệ tinh, một cực phát triển mới của Thủ đô Hà Nội trong tương lai.

- Hình thành một khu đô thị với đa dạng các loại hình nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ, dịch vụ công cộng, công viên cây xanh,...bố trí hài hòa các loại hình đảm bảo phát triển kinh tế chung khu vực thông qua các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch.

- Hoàn thiện hạ tầng cơ sở hạ tầng và đồng bộ với khu vực trung tâm cũng như toàn huyện.

- Làm đẹp kiến trúc cảnh quan và nâng cao hình ảnh về một đô thị Mê Linh hiện đại, phát triển, điểm đến mới của cư dân trên địa bàn huyện cũng như Thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận phía tây bắc.

- Thu hút lao động, thu hút dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch, thúc đẩy phát triển kinh tế, đời sống người dân khu vực.

• **Quy mô dự án:**

Diện tích sử dụng đất khoảng 205ha, phù hợp quy hoạch sử dụng đất. Cơ cấu chức năng như sau:

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích đất dự án (ha)	Tỷ lệ đất (%)
1	Đất ở	45,87	22,4
1.1	Đất ở liền kề	35,63	17,4
1.2	Đất ở biệt thự	10,24	5,0
2	Đất nhà ở xã hội cao tầng	15,29	7,5
3	Đất hỗn hợp có ở	7,71	3,8
4	Đất hỗn hợp có nhà ở xã hội cao tầng	2,57	1,3
5	Đất công cộng đơn vị ở	2,81	1,4
6	Đất công cộng khu vực	1,65	0,8
7	Đất công cộng thành phố	5,45	2,7
8	Đất cây xanh đơn vị ở	9,41	4,6
9	Đất cây xanh khu vực	33,92	16,5
10	Đất cây xanh thành phố	7,34	3,6
11	Đất giáo dục cấp đơn vị ở (mầm non)	3,36	1,6

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích đất dự án (ha)	Tỷ lệ đất (%)
12	Đất giáo dục cấp đơn vị ở (TH, THCS)	3,70	1,8
13	Đất giáo dục cấp đô thị (THPT)	1,36	0,7
14	Bãi đỗ xe	5,70	2,8
15	Điểm trung chuyển đa phương thức	1,82	0,9
16	Hạ tầng - Nhà máy xử lý nước thải	4,05	2,0
17	Đất giao thông	53,00	25,9
	Tổng cộng	205,00	100,0

• **Quy mô dân số, cơ cấu số lượng nhà ở:**

- Dự kiến dân số dự án khoảng 21.000 người.
- Số lượng nhà ở dự kiến: Khoảng 6.500 căn, trong đó:
 - + Nhà ở thấp tầng (liền kề, biệt thự): Khoảng 1.450 căn; trong đó nhà ở liền kề khoảng 1.200 căn, nhà ở biệt thự khoảng 250 căn.
 - + Nhà ở chung cư cao tầng (đất hỗn hợp có ở): Khoảng 1.550 căn;
 - + Nhà ở xã hội cao tầng: Khoảng 3.500 căn.

Vị trí dự án thuộc huyện Mê Linh. Dự án không thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị loại đặc biệt.

Dự án không thuộc phạm vi bảo vệ di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt.

1.2. Yêu cầu về sự phù hợp với điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; phương án tổ chức vận hành, kinh doanh

• **Công suất thiết kế và quy mô kiến trúc xây dựng:**

Các công trình thiết kế tuân thủ các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng của ô đất theo quy hoạch phân khu đô thị N1 và quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

- Công trình nhà ở thấp tầng (liền kề, biệt thự): Nhà đầu tư đầu tư xây dựng đồng bộ theo quy hoạch; Diện tích sử dụng đất khoảng 45,87 ha; mật độ xây dựng từ 30%-40%; tầng cao 3-6 tầng;

- Công trình nhà ở xã hội cao tầng: Nhà đầu tư đầu tư xây dựng đồng bộ theo quy hoạch; Diện tích sử dụng đất khoảng 17,86 ha (bao gồm cả công trình nhà ở xã

hội cao tầng được bố trí trong diện tích đất hỗn hợp); mật độ xây dựng từ 30%-40%; tầng cao 3-15 tầng;

- Công trình nhà ở chung cư cao tầng (hỗn hợp có ở): Nhà đầu tư đầu tư xây dựng đồng bộ theo quy hoạch; Diện tích sử dụng đất khoảng 7,71 ha; mật độ xây dựng từ 20%-40%; tầng cao 3-25 tầng;

- Công trình công cộng đơn vị ở: Sau khi GPMB, đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật xung quanh ô đất, nhà đầu tư bàn giao quỹ đất cho cơ quan nhà nước quản lý; diện tích sử dụng đất khoảng 2,81 ha; mật độ xây dựng từ 20%-40%; tầng cao 3-5 tầng; các công trình công cộng phục vụ đơn vị ở thiết yếu như trạm y tế, nhà văn hóa,...

- Công trình công cộng khu vực: Nhà đầu tư đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ theo quy hoạch; Diện tích sử dụng đất khoảng 1,65 ha; mật độ xây dựng từ 20%-40%; tầng cao 3-25 tầng;

- Công trình công cộng thành phố: Nhà đầu tư đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ theo quy hoạch; Diện tích sử dụng đất khoảng 5,45 ha; mật độ xây dựng từ 20%-40%; tầng cao 3-30 tầng;

- Công trình giáo dục: Trường mầm non mật độ xây dựng từ 14%-40%, tầng cao 2-3 tầng; Trường tiểu học và trung học cơ sở mật độ xây dựng từ 14%-35%, tầng cao 2-3 tầng, trường trung học phổ thông mật độ xây dựng từ 14%-35%, tầng cao 2-4 tầng. Thực hiện theo văn bản số 15162/VP-ĐT ngày 18/12/2023 về việc thực hiện kết luận của Ban cán sự đảng UBND Thành phố về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư khu đô thị theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, sau khi GPMB, đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, nhà đầu tư bàn giao quỹ đất cho cơ quan Nhà nước quản lý và đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước. Đối với một số ô đất giáo dục huyện không có nhu cầu đầu tư, UBND huyện sẽ có văn bản báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định.

- Tại các ô đất cây xanh khu vực và cây xanh đô thị: diện tích sử dụng đất khoảng 41,25 ha, Nhà đầu tư đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ theo quy hoạch Khu công viên cây xanh, mặt nước trong đó:

- + Đối với các công trình thuộc diện tích có mật độ xây dựng 5%, tầng cao 1 tầng: Nhà đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ, khai thác vận hành, quản lý duy tu, duy trì theo quy định.

- + Đối với phần diện tích cây xanh còn lại (không bao gồm các công trình thuộc diện tích có mật độ 5%): Nhà đầu tư đầu tư xây dựng đồng bộ theo đúng quy hoạch và bàn giao cho cơ quan nhà nước quản lý.

- Tại các ô đất cây xanh đơn vị ở: diện tích sử dụng đất khoảng 9,41ha; Nhà đầu tư đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ theo quy hoạch Khu công viên cây xanh, mặt nước, khai thác vận hành và quản lý duy tu, duy trì sau khi đầu tư theo quy định.

- Giao thông: Nhà đầu tư đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ theo quy hoạch; diện tích sử dụng đất khoảng 53 ha.

- Bãi đỗ xe: Nhà đầu tư đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ theo quy hoạch; diện tích sử dụng đất khoảng 5,70 ha, Nhà đầu tư khai thác vận hành.

- Hạ tầng điểm trung chuyển đa phương thức: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật xung quanh ô đất theo quy hoạch; diện tích sử dụng đất khoảng 1,82 ha. Sau khi GPMB, đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật xung quanh ô đất, nhà đầu tư bàn giao quỹ đất cho cơ quan nhà nước quản lý.

- Hạ tầng nhà máy xử lý nước thải (Thực hiện theo dự án riêng theo Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phân khu đô thị N1): Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật xung quanh ô đất theo quy hoạch. Sau khi GPMB, đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật xung quanh ô đất, nhà đầu tư bàn giao quỹ đất cho cơ quan nhà nước quản lý.

1.3. Yêu cầu về sự đồng bộ của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý đô thị, nhà ở để xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang đô thị; về sự phù hợp của phương án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở

Khu vực triển khai thực hiện dự án phù hợp định hướng phát triển kinh tế xã hội, các quy hoạch có liên quan như sau:

* Về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- Dự án phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Mê Linh. Dự án đáp ứng sự phù hợp giữa mục tiêu đầu tư với định hướng phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương theo chủ trương phát triển du lịch của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 – 2025.

* Về quy hoạch xây dựng

- Phù hợp với quy hoạch theo Quyết định 1259/QĐ-TTg, ngày 26/7/2011, của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Phù hợp với Quy hoạch phân khu đô thị N1, tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt tại Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND thành phố Hà Nội.

- Phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/10000 được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 6694/QĐ-UBND ngày 16/12/2014;

- Phù hợp với các chỉ tiêu, cập nhật đồng bộ Quy hoạch vùng huyện Mê Linh đang được lập đồ án theo Quyết định 601/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mê Linh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

*** Về quy hoạch sử dụng đất**

- Vị trí dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 Huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5150/QĐ-UBND ngày 07/12/2021.

*** Về đầu nối giao thông**

- Dự án phù hợp với quy hoạch về đầu nối giao thông và hạ tầng theo quy hoạch chung được duyệt.

*** Về hạ tầng kỹ thuật**

- Thuận tiện về giao thông và đáp ứng đồng bộ với quy hoạch hạ tầng chung của khu vực.

Hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư đề xuất phải phù hợp với với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Các nội dung khác được xác định tại mục 1.2 nêu trên.

2. Tiêu chuẩn đánh giá về xã hội:

2.1. Yêu cầu về phương án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai

Nhà đầu tư ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và được các bên thoả thuận cụ thể tại hợp đồng dự án sử dụng đất. Nhà đầu tư phải cam kết trong hồ sơ dự thầu việc ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo yêu cầu trong hồ sơ mời thầu của cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai.

Dự kiến sơ bộ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

a. Phạm vi GPMB thực hiện dự án:

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: là toàn bộ diện tích khu đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị cao cấp Mê Linh diện tích khoảng 205ha nằm trên địa bàn các xã Thanh Lâm, Đại Thịnh, Mê Linh, huyện Mê Linh.

b. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Phương án sơ bộ bồi thường, giải phóng mặt bằng được lập trên cơ sở nội dung, quy trình thực hiện của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Đơn vị được giao thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng chịu trách nhiệm lập và trình phê duyệt dự toán, thanh quyết toán phần kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án theo đúng các quy định hiện hành.

c. Trình tự thực hiện:

- Tuân thủ theo đúng trình tự, quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố Hà Nội:

- Xác định ranh giới, mốc giới phục vụ công tác GPMB;

- Thành lập HĐ BTHT&TĐC, Tổ công tác;

- Hợp ra mắt, phân công nhiệm vụ HĐ BTHT&TĐC, Tổ công tác. Phê duyệt kế hoạch GPMB, phê duyệt dự toán GPMB và ký HĐ GPMB;

- Tổ chức đo đạc, lập bản đồ xác định ranh giới, diện tích, chủ sử dụng đất, xuất HSKTTĐ và thẩm định HSKT;

- Rà soát số liệu làm căn cứ ra thông báo thu hồi đất, Thông báo thu hồi đất, ban hành thông báo thu hồi đất tới từng hộ gia đình, cá nhân;

- Hợp dân thông báo công khai pháp lý, bản đồ, cơ chế chính sách, kế hoạch đo đạc, kiểm đếm;

- Đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, chủ sử dụng đất, thời điểm xây dựng, xác nhận nội dung điều tra, kê khai + Lập dự thảo phương án BTHT&TĐC, thẩm tra và hoàn thiện dự thảo phương án theo nội dung thẩm tra;

- Niêm yết công khai BTHT&TĐC, tổ chức lấy ý kiến dự thảo phương án. Bàn giao dự thảo phương án đến các hộ gia đình cá nhân, tổ chức lấy ý kiến với phương án dự thảo đã niêm yết. Tổng hợp ý kiến đóng góp, kiến nghị của các hộ báo cáo Hội đồng, trả lời kiến nghị, hoàn thiện phương án;

- Thẩm định phương án BTHT&TĐC và hoàn thiện theo nội dung đã thẩm định (nếu có);

- Ban hành quyết định phê duyệt phương án và quyết định thu hồi đất, niêm yết công khai quyết định, bàn giao QĐ đến các hộ gia đình cá nhân và thông báo chi trả tiền;

- Tổ chức chi trả tiền BTHT&TĐC, nhận bàn giao mặt bằng;

- Xác nhận diện tích hoàn thành GPMB;
- Khối lượng đền bù giải phóng mặt bằng;
- Sau khi có chủ trương thực hiện dự án, cơ quan đơn vị có chức năng được giao thực hiện sẽ kiểm kê, kiểm đếm, lập dự toán chi phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d. Hiện trạng và cơ cấu các loại đất thu hồi:

Tổng diện tích dự án 205 ha

Đất trồng lúa nước 150,55 ha

Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 3,77ha

Đất nuôi trồng thủy sản 4,04 ha

Đất trồng cây hàng năm 37,65 ha

Đất giao thông 8,76 ha

Đất ở nông thôn 0,23 ha

e. Đối tượng bị ảnh hưởng, chủng loại tài sản: tài sản trên đất là cây trồng, hoa màu.

f. Chế độ hỗ trợ:

- + Hỗ trợ ổn định đời sống;
- + Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm;
- + Hỗ trợ khi thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích;
- + Hỗ trợ khác khi nhà nước thu hồi đất.

g. Nguồn kinh phí thực hiện

Chủ đầu tư thực hiện dự án thu xếp nguồn vốn để thực hiện chi trả bồi thường, giải phóng mặt bằng (bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ; chi phí tổ chức thực hiện và chi phí khác).

Trên cơ sở chế độ chính sách quy định hiện hành của nhà nước, nhà đầu tư sẽ phối với Hội đồng bồi thường (do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thành lập), hỗ trợ xây dựng phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

h. Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác:

Nhu cầu sử dụng đất của dự án yêu cầu phải chuyển mục đích sử dụng đất khoảng 150,55ha diện tích đất trồng lúa. Sau khi dự án được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư, UBND huyện Mê Linh tiến hành lựa chọn Chủ đầu tư thực hiện dự án sử dụng đất. Chủ đầu tư khi thực hiện dự án phải thực hiện

chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định của Luật đất đai: Điều kiện giao đất, cho thuê đất cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.

2.2. Yêu cầu về khả năng đóng góp phúc lợi xã hội cho người lao động tại địa phương thông qua việc sử dụng lao động tại địa phương, đào tạo nguồn nhân lực hoặc các hoạt động phúc lợi xã hội khác mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương, phù hợp với nhu cầu của địa phương nơi thực hiện dự án

- Dự án còn đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cho địa phương thông qua việc tạo thêm công ăn việc làm và tăng nguồn thu nhập cho người lao động. Tạo thêm việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp đối với nước ta trong giai đoạn hiện nay là một trong những yêu cầu hết sức cần thiết, nhằm thực hiện nhiệm vụ ổn định an ninh chính trị, xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước. Góp phần nâng cao đời sống vật chất, xã hội trong khu vực địa phương và các khu vực lân cận, góp phần nâng cao các sản phẩm nhà ở, dịch vụ công cộng cho huyện Mê Linh.

- Tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương.

- Tạo được mối liên hệ về kinh tế - văn hóa và xã hội giữa TP. Hà Nội và các huyện vùng lân cận.

- Đáp ứng kịp thời chỗ ở cho người dân trong thành phố. Đây là điều đặc biệt quan trọng bởi nó góp phần ổn định đời sống cho người dân theo chính sách hỗ trợ của Nhà nước đồng thời với quỹ nhà ở đó còn góp phần trong việc ổn định về xã hội. Giải quyết tình trạng người dân phải đi thuê nhà ở riêng lẻ trong khu trung tâm thành phố.

- Tạo dựng môi trường sống, sinh hoạt với tiêu chuẩn cao phục vụ nhu cầu cho nhân dân trong khu vực và vùng lân cận...

- Tạo chuyển dịch lao động trong khu vực. Chuyển đổi ngành nghề theo hướng tích cực để mang lại cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn cho nhân dân.

- Giải quyết việc làm cho lao động của địa phương trong suốt quá trình đầu tư xây dựng cũng như kinh doanh khai thác sau này.

3. Tiêu chuẩn đánh giá về môi trường

3.1. Yêu cầu áp dụng giải pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường

- Tổ chức giao thông hợp lý như xây dựng các nút giao đầu nối giữa các tuyến đường đối ngoại, đối nội, bãi đỗ, dừng xe.

- Bố trí hệ thống đường giao thông ra vào một cách hợp lý cụ thể như: quy định lối ra và lối vào khu vực. Đặt biển báo chỉ dẫn đường đi ra vào khu vực dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các lực lượng dân quân, công an, tổ chức đội bảo vệ, có biện pháp quản lý chặt chẽ, đảm bảo trật tự an ninh tốt, phòng chống các tệ nạn xã hội cả trong giai đoạn thi công xây dựng cũng như trong quá trình hoạt động của dự án.

- Đồng thời tuyên truyền người dân trong khu dân cư có ý thức thu gom rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi, tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp.

- Trang bị bình chữa cháy tại vị trí cần thiết đảm bảo ứng cứu kịp thời sự cố. Xây dựng các công trình, kiến trúc phải phù hợp với yêu cầu của quy phạm thiết kế phòng cháy chữa cháy trong xây dựng.

- Lắp đặt hệ thống chống sét, thu tĩnh điện tích tụ theo quy phạm chống sét cho các công trình xây dựng.

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng tại tất cả các khu nhà.

- Các trụ nước chữa cháy phải được bố trí dọc theo các đường giao thông bên ngoài và nội bộ với khoảng cách giữa các trụ khoảng 100 - 200m.

- Hệ thống dẫn điện, chiếu sáng được thiết kế riêng biệt, tách rời khỏi các công trình khác nhằm dễ dàng sửa chữa, chống chập mạch cháy, nổ.

- Dán niêm yết các nội quy phòng chống cháy nổ tại các khu vực công cộng, đặc biệt treo biển cấm lửa hoặc cấm hút thuốc tại những nơi dễ xảy ra sự cố cháy nổ.

- Phối hợp kịp thời với đội cứu hộ địa phương ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Để đảm bảo xử lý kịp thời sự cố cháy nổ, trong các công trình cụ thể thiết lập hệ thống báo cháy có đèn hiệu và thông tin tốt, đồng thời phải có hệ thống chữa cháy trực tiếp bằng vòi rồng phun nước theo quy định hiện hành.

Các vấn đề môi trường đã được xem xét đánh giá sơ bộ nhằm đáp ứng yêu cầu về việc xem xét đề xuất chủ trương đầu tư dự án. Để việc tuân thủ và hoàn thiện các thủ tục về bảo vệ môi trường dự án sẽ tiến hành đánh giá tác động môi trường chi tiết trong các bước tiếp theo, sau khi dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư.

Nhằm định lượng cụ thể và chi tiết hơn trong việc xem xét các tác động môi trường, làm cơ sở đề xuất các biện pháp giảm thiểu mang tính khả thi, các vấn đề môi trường chính sau cần được xem xét làm rõ và chi tiết hóa trong quá trình lập đánh giá tác động môi trường chi tiết:

- Khảo sát, đánh giá chi tiết các thành phần môi trường tự nhiên.

- Thực hiện điều tra xã hội học điều kiện kinh tế - xã hội của các đối tượng chịu tác động. Từ đó có các phương án giảm thiểu tác động tới kinh tế - xã hội một cách phù hợp.

- Căn cứ vào quy mô dự án, khối lượng nguyên vật liệu sử dụng, phương pháp thi công, số lượng công nhân... để có dự báo chi tiết tải lượng chất ô nhiễm và các tác động tới môi trường nước để làm cơ sở đánh giá tác động và xây dựng giải pháp thu gom, xử lý phù hợp, hạn chế tối đa ảnh hưởng tới chất lượng môi trường nước khu vực.

- Xây dựng giải pháp và kế hoạch quản lý môi trường chi tiết phù hợp với điều kiện thực tế của dự án và môi trường xung quanh;

- Tham vấn cộng đồng và các cơ quan liên quan theo quy định nhằm hài hòa các vấn đề môi trường, xã hội.

- Ngoài ra, các vấn đề môi trường liên quan khác cũng sẽ được đánh giá chi tiết hơn, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Các nội dung khác:

Về cơ chế đầu tư, phương án quản lý, bàn giao, kinh doanh, khai thác các công trình tại dự án:

- Dự án không thuộc khu vực cần bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nhà đầu tư trúng đấu thầu được bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở thương mại cho tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định.

- Nhà đầu tư trúng đấu thầu có trách nhiệm đầu tư xây dựng, đảm bảo thống nhất, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và phù hợp với tiến độ, thời gian thực hiện dự án, trong đó ưu tiên xây dựng theo thứ tự sau: (1). Hạ tầng kỹ thuật (giao thông, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị); (2). Các công trình công cộng cấp thiết phục vụ cộng đồng dân cư; (3). Xây dựng nhà ở và các công trình hạ tầng đô thị.

- Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật (hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc,...): Sau khi hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các công trình, nhà đầu tư bàn giao lại cho Nhà nước, chính quyền địa phương quản lý theo quy định hiện hành.

- Các công trình sau khi giải phóng mặt bằng và hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật xung quanh khu đất, Nhà đầu tư bàn giao cho cơ quan nhà nước quản lý và đầu tư:

+ Đất trạm trung chuyển đa phương thức: Ký hiệu ô đất I.3.4-DP, I.4.2-DP, diện tích khoảng 1,82ha;

+ Đất công cộng đơn vị ở: Diện tích khoảng 2,81 ha;

+ Đất giáo dục (được nghiên cứu thực hiện theo hướng liên cấp, đáp ứng nhu cầu về giáo dục của người dân tại Dự án và trong khu vực): diện tích sử dụng đất khoảng 8,42 ha.

+ Đất nhà máy xử lý nước thải: Diện tích khoảng 4,03 ha.

- Các ô đất cây xanh:

+ Nhà đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ theo quy hoạch Đất cây xanh Thành phố, Đất cây xanh khu vực và bàn giao lại cho Nhà nước quản lý.

+ Đất cây xanh đơn vị ở: Nhà đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ theo quy hoạch và quản lý duy tu, duy trì sau đầu tư theo quy định.

**Trong quá trình lập quy hoạch chi tiết 1/500 và lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư phải đảm bảo tỷ lệ cây xanh và nghiên cứu có phương án bảo tồn diện tích cây xanh hiện hữu, vùng trồng hoa tại khu vực.*

- Các công trình đầu tư xây dựng và kinh doanh (nhà ở thấp tầng, công trình nhà ở xã hội cao tầng, công trình nhà ở chung cư cao tầng, công trình công cộng khu vực, công trình công cộng Thành phố, Bãi đỗ xe): Nhà đầu tư đầu tư đồng bộ theo quy hoạch và tổ chức kinh doanh theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình lập quy hoạch chi tiết 1/500, Nhà đầu tư trúng đấu thầu có trách nhiệm nghiên cứu bố trí các trạm xử lý nước thải cục bộ trong phạm vi dự án, kết nối hạ tầng kỹ thuật xử lý nước thải tại dự án với hạ tầng kỹ thuật xử lý nước thải cấp khu vực theo đúng quy định. Các ô đất quy hoạch có chức năng công trình hạ tầng xã hội thiết yếu (trường học, trạm y tế, nhà văn hóa) và đất quy hoạch nhà ở xã hội phải được quy hoạch, bố trí vào các vị trí phù hợp, thuận lợi cho công tác giải phóng mặt bằng; Khu đô thị phải đảm bảo các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, bố trí đầy đủ quy mô bãi đỗ xe ngầm, nổi, trạm sạc điện, trạm xử lý nước thải,..., đáp ứng đầy đủ quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành, các yêu cầu, tiêu chí về đô thị xanh, tiên tiến, hiện đại.

Hồ sơ dự thầu nhà đầu tư đề xuất phù hợp với Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt đề án quy hoạch phân khu đô thị N1, tỷ lệ 1/2000, địa điểm: Thị trấn Quang Minh, các xã Kim Hoa, Thanh Lâm, Đại Thịnh, Văn Khê, Mê Linh, Tráng Việt, Tiên Phong - huyện Mê Linh và xã Đại Mạch - huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 1235/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội (Hồ sơ quy hoạch phân khu đô thị N1, tỷ lệ 1/2000 xem tại địa chỉ đường link: <https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1cLt81qQr-JYQlyQFDwvBGNF6GEwi2MPo>).

Nội dung đề xuất phương án đầu tư kinh doanh (theo yêu cầu tại Bảng số 02 Tiêu chuẩn đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh) trong hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư đảm bảo không thuộc các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

III. Yêu cầu về nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư

Nhà đầu tư chịu trách nhiệm bố trí đủ vốn để thực hiện dự án; đồng thời căn cứ đặc điểm, tính chất từng dự án, nhà đầu tư thực hiện yêu cầu như sau:

Giá trị nộp ngân sách nhà nước:

Giá trị nộp ngân sách nhà nước được xác định căn cứ tỷ lệ M do nhà đầu tư đề xuất tại hồ sơ dự thầu và tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư trúng thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về đất đai, trên cơ sở công thức sau đây:

Giá trị nộp ngân sách nhà nước tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất = M x Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Giá trị quy định tại mục này được nộp vào ngân sách nhà nước theo hình thức, trình tự, thủ tục và thời hạn nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Giá trị này độc lập với nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các nghĩa vụ tài chính khác của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

[Trên cơ sở các nội dung hướng dẫn lập hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu, tổ chuyên gia xây dựng dự thảo hợp đồng, biểu mẫu hợp đồng và đính kèm trong HSMT. Dự thảo hợp đồng gồm các điều khoản để làm cơ sở cho các bên đàm phán, hoàn thiện, ký kết và thực hiện hợp đồng, bảo đảm phân chia rõ trách nhiệm, rủi ro, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đầu tư, quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật khác có liên quan.]

Nội dung từ ngữ	Giải thích từ ngữ
Cơ quan có thẩm quyền	Theo khoản 3 Điều 3 Nghị định 115/2024/NĐ-CP
Các bên ký kết hợp đồng	Bao gồm Cơ quan ký kết hợp đồng, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế nếu có
Cơ quan ký kết hợp đồng	Theo khoản 3 Điều 71 Luật Đấu thầu 2023
Nhà đầu tư	Theo khoản 25 Điều 4 Luật Đấu thầu 2023

VIẾT TẮT

Nội dung từ ngữ	Viết tắt
Cơ quan có thẩm quyền	CQCTQ
Cơ quan ký kết hợp đồng	CQKKHĐ
Các bên ký kết hợp đồng	các bên
Nhà đầu tư	NĐT
Tổ chức kinh tế	TCKT
Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023	Luật Đấu thầu 2023
Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020	Luật Đầu tư

MỤC LỤC

PHẦN I. VĂN BẢN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN VỀ HỢP ĐỒNG

PHẦN II. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

PHẦN III. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

PHẦN IV. PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

PHẦN I. VĂN BẢN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN VỀ HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Dự án: Khu đô thị cao cấp Mê Linh tại các xã Đại Thịnh, Thanh Lâm, Mê Linh, huyện Mê Linh

- Căn cứ Luật Xây dựng số ngày 18 tháng 6 năm 2014; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Đầu tư số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;
- Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;
- Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đất đai số 31/2024/QH15, luật nhà ở số 27/2023/QH15, luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;
- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật nhà ở;
- Căn cứ Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật kinh doanh bất động sản;
- Căn cứ Nghị định số 98/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ hướng dẫn Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư;
- Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;
- Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;
- Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 09 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất;
- Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
- Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của luật nhà ở;
- Căn cứ Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;
- Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/07/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;
- Căn cứ Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt đề án quy hoạch phân khu đô thị N1, tỷ lệ 1/2000, địa điểm: Thị trấn Quang Minh, các xã Kim Hoa, Thanh Lâm, Đại Thịnh, Văn Khê, Mê Linh, Tráng Việt, Tiên Phong - huyện Mê Linh và xã Đại Mạch - huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;
- Căn cứ các Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022, số 09/NQ-HĐND ngày 10/03/2023, số 15/NQ-HĐND ngày 04/07/2023, số 25/NQ-HĐND ngày 22/09/2023, số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023, số 05/NQ-HĐND ngày 29/03/2024, số 09/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND Thành phố về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Căn cứ các Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 23/02/2023, số 4279/QĐ-UBND ngày 25/08/2023 của UBND Thành phố về việc phê duyệt, phê duyệt bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025;
- Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 1235/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội cấp cho dự án Khu đô thị cao cấp Mê Linh tại các xã Đại Thịnh, Thanh Lâm, Mê Linh, huyện Mê Linh;

- Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 28/03/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị cao cấp Mê Linh tại các xã Đại Thịnh, Thanh Lâm và Mê Linh, huyện Mê Linh;

- Căn cứ Quyết định số/QĐ- UBND ngày tháng năm 2025 của UBND huyện Mê Linh về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án Khu đô thị cao cấp Mê Linh tại các xã Đại Thịnh, Thanh Lâm, Mê Linh, huyện Mê Linh;

Căn cứ (1) _____

Căn cứ Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư _____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo trúng thầu số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của Bên mời thầu;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày _____ tháng _____ năm _____;

Căn cứ văn bản số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____ về việc thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng,

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

1. Cơ quan ký kết hợp đồng¹/Bên mời thầu (Là một bên của hợp đồng):

Tên Cơ quan ký kết hợp đồng: Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Người đại diện:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

2. Nhà đầu tư và tổ chức kinh tế (trường hợp thành lập) (Là một bên của hợp đồng):

2.1. Nhà đầu tư:

Tên giao dịch: [ghi tên giao dịch của Nhà đầu tư]

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Địa chỉ:

Điện thoại:

¹ Ghi nhận thông tin Bên mời thầu trong trường hợp Cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cho Bên mời thầu làm đại diện ký hợp đồng với nhà đầu tư

Fax:

E-mail:

Người đại diện:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

2.2. Tổ chức kinh tế:

Tên giao dịch: *[ghi tên giao dịch của tổ chức kinh tế]*

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Người đại diện:

Chức vụ:

Các bên trên đây thống nhất ký Hợp đồng để thực hiện dự án _____ *[ghi tên của dự án]* với các nội dung sau:

Điều 1. Thành phần hồ sơ hợp đồng

1.1. Thành phần hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- a. Hợp đồng bao gồm điều kiện chung và điều kiện cụ thể;
- b. Phụ lục hợp đồng (nếu có);
- c. Biên bản đàm phán hợp đồng;
- d. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- đ. Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được lựa chọn;
- e. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu;
- g. Các tài liệu có liên quan.

1.2. Thứ tự ưu tiên của các tài liệu

Những tài liệu cấu thành nên Hợp đồng là quan hệ thống nhất giải thích tương hỗ cho nhau, nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì Các Bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất. Trường hợp, Các Bên không thống nhất được thì

thứ tự ưu tiên các tài liệu cấu thành Hợp đồng để xử lý vấn đề không thống nhất áp dụng theo trình tự sắp xếp tại Khoản 1.1 nêu trên.

Trường hợp có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất nào trong Văn bản hợp đồng, nội dung Điều khoản cụ thể sẽ được ưu tiên để giải thích và áp dụng.

Điều 2. Thời hạn hợp đồng:

Thời hạn hợp đồng là _____ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định của HSDT và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 3. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định pháp luật.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, Cơ quan ký kết hợp đồng giữ _____ bộ, nhà đầu tư giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽²⁾**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN
KÝ KẾT HỢP ĐỒNG**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TỔ CHỨC KINH TẾ**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Cập nhật các văn bản hiện hành liên quan đến hợp đồng.

(2) Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong hợp đồng phải bao gồm thông tin của tất cả các thành viên liên danh. Đại diện hợp pháp của từng thành viên trong liên danh phải ký tên, đóng dấu vào hợp đồng.

PHẦN II. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ	
Điều 1. Định nghĩa và các từ viết tắt về các khái niệm, từ ngữ được sử dụng trong hợp đồng dự án	Định nghĩa và các từ viết tắt về các khái niệm, từ ngữ được sử dụng trong hợp đồng dự án, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và bối cảnh cụ thể của dự án được quy định tại ĐKCT .
II. MỤC TIÊU, QUY MÔ CỦA DỰ ÁN	
Điều 2. Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của dự án	Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án được quy định tại ĐKCT .
Điều 3. Quy mô, công suất	Quy mô, công suất của dự án được quy định tại ĐKCT .
Điều 4. Tổng vốn đầu tư	Tổng vốn đầu tư Dự án là sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có) và chi phí khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có)) được xác định tại HSMT, chưa bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo pháp luật đất đai và chi phí khác để phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh dự án, được chi tiết tại ĐKCT .
III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN	
Điều 5. Địa điểm thực hiện dự án	- Địa điểm thực hiện dự án: tại các ô đất I.1.3, I.1.4, I.3.1, I.3.3, I.3.4 và I.4.2 thuộc phân khu đô thị N1, xã Đại Thịnh, Thanh Lâm, Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. - Diện tích: khoảng 205ha.
IV. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN	
Điều 6. Thời hạn hợp đồng dự án và tiến độ thực hiện dự án	6.1. Thời hạn hợp đồng dự án được tính từ thời điểm hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh có hiệu lực cho đến khi nhà đầu tư hoàn thành nghĩa vụ thực hiện các cam kết đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu và các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh. Trong đó xác định Tiến độ thực hiện dự án tại ĐKCT. 6.2. Tiến độ thực hiện dự án, bao gồm các mốc thời gian sau:

	(a) Trong thời hạn tối đa 36 tháng kể từ ngày ban hành quyết định công nhận kết quả trúng thầu hoặc thời hạn khác theo quy định tại ĐKCT, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phải thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư để giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Khoản 8 Điều 126 Luật Đất đai, trừ trường hợp chậm trễ do lỗi của NĐT/TCKT theo quy định pháp luật; (b) Thời hạn thực hiện Dự án được quy định tại ĐKCT; (c) Thời hạn hoạt động Dự án là [50] năm theo quy định tại Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc HSMT Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án không làm thay đổi Thời hạn Hợp đồng Dự án, NĐT/TCKT thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật đầu tư, pháp luật xây dựng và quy định pháp luật khác có liên quan.
Điều 7. Các trường hợp, điều kiện, thủ tục điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án	Việc điều chỉnh Thời hạn Hợp đồng Dự án (nếu có) được thực hiện theo quy định như sau: 7.1. Thời hạn Hợp đồng Dự án được điều chỉnh khi thuộc các trường hợp quy định tại ĐKCT; 7.2. Việc điều chỉnh Thời hạn Hợp đồng Dự án sẽ được Các Bên thỏa thuận và xác lập bằng Phụ lục của Hợp đồng này; 7.3. Việc điều chỉnh Thời hạn thực hiện Dự án, tiến độ thực hiện dự án sẽ thực hiện theo quy định tại Hợp đồng này và phù hợp theo quy định pháp luật đầu tư và quy định pháp luật khác có liên quan.
Điều 8. Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án	Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án được thực hiện theo quy định tại mục X của Hợp đồng này.
V. BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ, TIẾN ĐỘ GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG ĐẤT, MẶT NƯỚC, TÀI NGUYÊN KHÁC VÀ CÔNG TRÌNH CÓ LIÊN QUAN	

Điều 9. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tổ chức xây dựng công trình phụ trợ (nếu có)	Công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và tái định cư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và các quy định pháp luật có liên quan. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tổ chức xây dựng công trình phụ trợ (nếu có) được quy định tại ĐKCT.
Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất và giám sát, kiểm tra việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất, giám sát, kiểm tra việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định tại ĐKCT.
Điều 11. Nghĩa vụ của các bên trong việc bảo đảm thu xếp nguồn vốn để thanh toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Nghĩa vụ của các bên trong việc bảo đảm thu xếp nguồn vốn để thanh toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định tại ĐKCT.
Điều 12. Điều kiện sử dụng đất, mặt nước, tài nguyên khác hoặc công trình có liên quan	12.1. Việc sử dụng đất, tài nguyên phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn ở pháp luật đất đai, pháp luật về bảo vệ tài nguyên, môi trường, khoáng sản. Việc sử dụng đất, mặt nước, tài nguyên khác hoặc công trình có liên quan theo quy định tại Hợp đồng này chỉ tồn tại cho mục đích duy nhất để triển khai Dự án. 12.2. Trường hợp vì mục đích Dự án, NĐT/TCKT có nhu cầu thực hiện các quyền liên quan đến việc tiếp cận phần đất, mặt nước, tài nguyên khác hoặc công trình, hạ tầng bên ngoài phạm vi Dự án, CQKKHĐ sẽ hỗ trợ tối đa NĐT/TCKT trong việc đề nghị cấp có thẩm quyền tại địa phương xem xét, quyết định. Trường hợp này, NĐT/TCKT phải gánh chịu mọi chi phí liên quan hoặc phát sinh từ việc tiếp cận phần đất bên ngoài phạm vi Dự án.
Điều 13. Quy định về khai quật và xử lý các hóa thạch, cổ vật, công trình	13.1. Khi thực hiện Hợp đồng này, trường hợp NĐT/TCKT phát hiện hóa thạch, cổ vật và công trình

kiến trúc hoặc hiện vật khác trong khu vực dự án và quyền, nghĩa vụ của các bên đối với các hiện vật này	khảo cổ, NĐT/TCKT phải tuân thủ quy định của Pháp luật Việt Nam có liên quan. 13.2. Khi phát hiện có bất kỳ hóa thạch, cổ vật hoặc công trình khảo cổ trong phạm vi Dự án, NĐT/TCKT có nghĩa vụ: (a) Ngay lập tức thông báo cho CQKKHĐ về vấn đề này. (b) Thực hiện các biện pháp cảnh báo phòng ngừa để ngăn chặn việc di dời, hoặc làm hư hại đến hóa thạch, cổ vật hoặc công trình khảo cổ và sẽ tiến hành bất kỳ các yêu cầu nào CQKKHĐ liên quan đến kiểm tra và xử lý những hóa thạch, cổ vật hoặc công trình khảo cổ đó. (c) Thực hiện tất các bước cần thiết để bảo tồn các vật thể trong cùng vị trí và điều kiện khi chúng được tìm thấy. (d) Kịp thời và cẩn trọng trong việc tuân thủ theo bất kỳ chỉ dẫn nào của CQKKHĐ đưa ra. (e) Tuân thủ theo bất cứ quy định pháp luật hoặc yêu cầu nào của cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến việc bảo tồn phát hiện đó. (f) Nếu CQKKHĐ có yêu cầu, NĐT/TCKT sẽ phải cho phép CQKKHĐ hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp cận mặt bằng cho mục đích di dời hoặc xử lý phát hiện đó. 13.3. Nếu NĐT/TCKT thực hiện các hành động cần thiết được quy định tại Điều này dẫn đến làm chậm trễ việc thực hiện Hợp đồng, thì NĐT/TCKT vẫn có nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng cho đến khi hoàn thành xong và Thời hạn thực hiện Dự án sẽ được gia hạn một cách tương ứng theo các quy định trong Hợp đồng này. 13.4. Chi phí cho việc thực hiện các biện pháp liên quan đến xử lý hóa thạch, cổ vật, công trình khảo cổ được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.
--	--

Điều 14. Thời điểm, tiến độ giao đất, cho thuê đất; quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc quản lý, sử dụng diện tích đất được giao	14.1. Sau khi hoàn thành bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được phê duyệt, NĐT/TCKT sẽ được giao đất, cho thuê đất phù hợp theo tiến độ, hình thức được quy định tại ĐKCT. 14.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc quản lý, sử dụng diện tích đất được giao được quy định tại ĐKCT.
Điều 15. Trách nhiệm của mỗi bên trong trường hợp vi phạm	Trách nhiệm của mỗi bên trong trường hợp vi phạm các nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tiến độ giao đất, cho thuê đất, sử dụng đất, mặt nước, tài nguyên khác và các công trình có liên quan được quy định tại ĐKCT.
VI. THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN NHÀ ĐẦU TƯ ĐỀ XUẤT VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT, GIÁ TRỊ TRỢ GIÚP XÃ HỘI HOẶC HOẠT ĐỘNG PHÚC LỢI XÃ HỘI KHÁC	
Điều 16. Tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước mà nhà đầu tư đề xuất tại hồ sơ dự thầu; tiến độ, hình thức nộp	16.1. Tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước mà nhà đầu tư căn cứ theo quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn NĐT, kết quả thương thảo hợp đồng. Giá trị nộp ngân sách nhà nước được xác định căn cứ tỷ lệ M do nhà đầu tư đề xuất tại hồ sơ dự thầu và tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư trúng thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về đất đai, trên cơ sở công thức sau đây: Giá trị nộp ngân sách nhà nước tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất = M x Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất 16.2. Giá trị quy định tại điểm 16.1 điều này được nộp vào ngân sách nhà nước theo hình thức, trình tự, thủ tục và thời hạn nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Giá trị này độc lập với nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các nghĩa vụ tài chính khác của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. 16.3. Giá trị, tiến độ, hình thức nộp giá trị nộp ngân sách nhà nước ngân sách nhà nước mà nhà đầu tư đề xuất được quy định tại ĐKCT.

Điều 17. Trách nhiệm của nhà đầu tư trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ nêu trên	Trách nhiệm của NĐT/TCKT trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ nêu trên được quy định tại ĐKCT.
VII. TỔ CHỨC KINH TẾ DO NHÀ ĐẦU TƯ THÀNH LẬP ĐỂ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT	
<i>Trường hợp đã thành lập tổ chức kinh tế:</i>	
Điều 18. Mô hình tổ chức, hoạt động của tổ chức kinh tế; Vốn điều lệ của tổ chức kinh tế	18.1. Nhà đầu tư trúng thầu, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại hợp đồng, pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, xây dựng, đất đai, kinh doanh bất động sản và pháp luật khác có liên quan. 18.1. Vốn điều lệ của TCKT: (a) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm góp vốn chủ sở hữu vào vốn điều lệ của TCKT theo quy định của pháp luật doanh nghiệp. Trường hợp vốn điều lệ của TCKT thấp hơn mức vốn chủ sở hữu cam kết thực hiện Dự án theo HSDT, Nhà đầu tư phải có cam kết huy động, lộ trình tăng vốn điều lệ của TCKT theo quy định pháp luật và Hợp đồng này. (b) Trong mọi trường hợp, Nhà đầu tư cam kết đảm bảo góp đủ vốn chủ sở hữu vào TCKT để đáp ứng đáp ứng điều kiện để được giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. (c) Việc chuyển nhượng, điều chỉnh (tăng/giảm) vốn góp của Nhà đầu tư tại TCKT phải được thực hiện theo quy định pháp luật nhưng không được làm ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ đã cam kết tại HSDT và Hợp đồng này.
Điều 19. Cam kết về việc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập sẽ kế thừa quyền và nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư mà nhà đầu tư	Tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

đã cam kết tại Điều mục VIII Hợp đồng này	b) Kế thừa quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư trúng thầu theo cam kết tại hồ sơ dự thầu và quy định tại hợp đồng dự án; c) Thực hiện nghĩa vụ tài chính về nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.
<i>Trường hợp chưa thành lập tổ chức kinh tế:</i>	
Điều 18. Yêu cầu tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập sẽ kế thừa quyền và nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư mà nhà đầu tư đã cam kết tại mục VIII Hợp đồng này	Tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; b) Kế thừa quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư trúng thầu theo cam kết tại hồ sơ dự thầu và quy định tại hợp đồng dự án; c) Thực hiện nghĩa vụ tài chính về nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.
Điều 19. Trình tự sửa đổi hợp đồng để bổ sung tên, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập	Trình tự sửa đổi hợp đồng để bổ sung tên, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập được quy định tại ĐKCT.
VIII. NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ/TCKT	
Điều 20. Nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng	20.1. Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT. 20.3. Giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT. 20.3. Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT. 20.4. CQKKHĐ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho NĐT/TCKT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Các Bên ký Biên bản thanh lý Hợp đồng này hoặc trường hợp khác do Các Bên thỏa thuận. NĐT/TCKT không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

	(a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi Hợp đồng đã có hiệu lực; (b) Vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng mà dẫn tới việc Bên A có quyền yêu cầu thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng; (c) Từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng khi chưa hoàn thành hết các cam kết theo Hợp đồng. 2.5. Trường hợp NĐT/TCKT thay đổi bên cấp bảo đảm thì phải được CQKKHĐ chấp thuận trên cơ sở sự phù hợp với trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hợp đồng, đảm bảo không ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng này.
Điều 21. Ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt	21.1. NĐT/TCKT có trách nhiệm ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt; 21.2. Quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không ứng đủ vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hủy kết quả trúng thầu
Điều 22. Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai	22.1. NĐT/TCKT có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. 22.2. Đối với diện tích đất được Nhà nước cho thuê đất thì hình thức nộp tiền thuê đất (một lần hoặc hằng năm) và tiến độ nộp tiền thuê đất được quy định tại ĐKCT.
Điều 23. Thực hiện phương án nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả sử dụng đất	NĐT/TCKT có trách nhiệm thực hiện phương án nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả sử dụng đất theo các nội dung tại mục VI của Hợp đồng này
Điều 24. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác	24.1. NĐT/TCKT có trách nhiệm thực hiện các cam kết khác mà NĐT đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu. 24.2. NĐT/TCKT thực hiện dự án theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng

	tiến độ đã cam kết, bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường, tuân thủ quy định của pháp luật liên quan về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, thuế và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực. 24.3. NĐT/TCKT thực hiện các cam kết về giải pháp ứng dụng công nghệ, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cam kết về chuyển giao công nghệ, thực hiện hoạt động công nghệ cao đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu để được hưởng ưu đãi trong đấu thầu. 24.4. NĐT/TCKT thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác tại ĐKCT và theo thỏa thuận (nếu có).
IX. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN HOẶC BÊN MỜI THẦU TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN ỦY QUYỀN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	
Điều 25. Thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày ban hành quyết định công nhận kết quả trúng thầu hoặc thời hạn khác theo hợp đồng đã ký kết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phải thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư để giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư theo quy định tại khoản 8 Điều 126 của Luật Đất đai năm 2024
Điều 26. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác	26.1. Phối hợp với nhà đầu tư/TCKT thực hiện phương án về hiệu quả sử dụng đất tại mục 6 của Hợp đồng này; 26.2. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại ĐKCT.
X. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG DỰ ÁN	
Điều 27. Xác định cụ thể trường hợp bất khả kháng và phương án xử lý trong trường hợp bất khả kháng	27.1. Các trường hợp bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn, những sự kiện hay trường hợp bất thường thuộc loại được quy định tại ĐKCT. 27.2. Điều kiện xác định sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

	27.3. Phương án xử lý trong trường hợp bất khả kháng được quy định tại ĐKCT .
Điều 28. Các trường hợp được xem xét sửa đổi hợp đồng dự án	28.1. Các trường hợp được xem xét sửa đổi hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 76, Luật Đấu thầu 2023. 28.2. Trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, kinh doanh bất động sản, pháp luật quản lý, ngành, lĩnh vực và quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, kinh doanh bất động sản, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, pháp luật có liên quan; hồ sơ, trình tự, thủ tục chuyển nhượng dự án, cổ phần, phần vốn góp được thực hiện theo quy định của pháp luật
Điều 29. Trình tự bổ sung tên, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập theo trường hợp chưa thành lập tổ chức kinh tế theo quy định tại mục VII của hợp đồng này; các trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư không dẫn đến điều chỉnh chủ trương đầu tư	29.1. Trình tự bổ sung tên, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập theo trường hợp chưa thành lập tổ chức kinh tế theo quy định tại mục VII của hợp đồng này được quy định tại ĐKCT. 29.2. Các trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư không dẫn đến điều chỉnh chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư.
Điều 30. Trình tự sửa đổi hợp đồng	Trình tự sửa đổi hợp đồng được quy định tại ĐKCT .
XI. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN	
Điều 31. Các trường hợp và điều kiện chấm dứt hợp đồng dự án theo thỏa thuận hoặc chấm dứt trước thời hạn	Các trường hợp và điều kiện chấm dứt hợp đồng dự án theo thỏa thuận hoặc chấm dứt trước thời hạn được quy định tại ĐKCT .

Điều 32. Quyền, nghĩa vụ của mỗi bên khi chấm dứt hợp đồng dự án theo thời hạn đã thỏa thuận	Quyền, nghĩa vụ của mỗi bên khi chấm dứt hợp đồng dự án theo thời hạn đã thỏa thuận được quy định tại ĐKCT .
Điều 33. Quyền, nghĩa vụ của mỗi bên trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	Quyền, nghĩa vụ của mỗi bên trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn được quy định tại ĐKCT .
XII. PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH	
Điều 34. Luật áp dụng để điều chỉnh quan hệ hợp đồng dự án và các hợp đồng có liên quan đến việc thực hiện dự án	34.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật Việt Nam. Trong mọi trường hợp, việc giải thích Hợp đồng này, các Phụ lục hợp đồng, các văn bản có liên quan được ký kết giữa CQKKHĐ, NĐT/TCKT tuân thủ quy định và pháp luật Việt Nam. 34.2. Đối với các vấn đề pháp luật Việt nam không có quy định, các bên sẽ thương thảo thống nhất trên cơ sở tham khảo các thông lệ quốc tế, không mâu thuẫn với quy định pháp luật Việt Nam và hài hòa lợi ích của các bên ký hợp đồng. 34.3. Mọi vấn đề phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này mà chưa được quy định cụ thể tại Hợp đồng này, Các Bên sẽ thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Các Bên tham gia Hợp đồng.
XIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	
Điều 35. Cơ chế giải quyết tranh chấp	Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các bên tham gia hợp đồng dự án và tranh chấp giữa NĐT/TCKT với các tổ chức kinh tế tham gia thực hiện dự án thực hiện theo quy định tại Điều 14 Luật Đầu tư.
XIV. THANH LÝ HỢP ĐỒNG	
Điều 36. Trình tự, thủ tục thực hiện thỏa thuận thanh lý hợp đồng	Trình tự, thủ tục thực hiện thỏa thuận thanh lý hợp đồng theo quy định tại ĐKCT .
Điều 37. Quyền, nghĩa vụ của các bên ký kết khi thanh lý hợp đồng	Quyền, nghĩa vụ của các bên khi thanh lý hợp đồng thực hiện theo quy định tại ĐKCT .

XV. ĐIỀU KHOẢN PHẠT VI PHẠM, KHÔNG TUÂN THỦ NGHĨA VỤ HỢP ĐỒNG

Điều 38. Các trường hợp vi phạm, không tuân thủ nghĩa vụ của các bên	38.1. Vi phạm hợp đồng của NĐT/TCKT: NĐT/TCKT bị áp dụng phạt hợp đồng khi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng được nêu tại ĐKCT. 38.2. Vi phạm hợp đồng của Cơ quan ký kết hợp đồng. Cơ quan ký kết hợp đồng bị áp dụng phạt hợp đồng khi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng được nêu tại ĐKCT. 38.3. Vi phạm nghiêm trọng của các bên ký kết hợp đồng được quy định tại ĐKCT theo quy định tại khoản 2 Điều 423 Bộ luật Dân sự.
Điều 39. Cơ chế giải quyết trong từng trường hợp vi phạm, không tuân thủ nghĩa vụ hợp đồng	Cơ chế giải quyết trong từng trường hợp vi phạm, không tuân thủ nghĩa vụ hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.
Điều 40. Phạt vi phạm đối với trường hợp nhà đầu tư không thực hiện theo cam kết trong hồ sơ dự thầu và hợp đồng dự án khi đã hưởng ưu đãi theo quy định	Phạt vi phạm đối với trường hợp nhà đầu tư không thực hiện theo cam kết trong hồ sơ dự thầu và hợp đồng dự án khi đã hưởng ưu đãi theo quy định tại Nghị định này theo quy định tại ĐKCT.
XV. ĐIỀU KHOẢN PHẠT VI PHẠM, KHÔNG TUÂN THỦ NGHĨA VỤ HỢP ĐỒNG <i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>	

PHẦN III. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKCT 1	- Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn NĐT, kết quả thương thảo hợp đồng, Bên mời thầu hoàn thiện “<i>Các khái niệm, từ ngữ sử dụng trong hợp đồng</i>”: - Trong mẫu hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: + “<i>Các bên</i>” được hiểu là Các Bên ký kết Hợp đồng này, bao gồm CQCTQ, NĐT/TCKT và được nêu tại mục 2 của Phần I: Văn bản thoả thuận; + “<i>Cơ quan có thẩm quyền</i>” là:; + “<i>Cơ quan ký kết hợp đồng</i>” là:; + “<i>Nhà đầu tư</i>” (NĐT): là; +
ĐKCT 2	- Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Mê Linh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch phân khu đô thị N1, tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt tại Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND thành phố Hà Nội; góp phần xây dựng mục tiêu do Bộ Chính trị đặt ra tại Nghị quyết số 15-NQ-TW ngày 05/5/2022 về mục tiêu xây dựng mô hình thành phố trực thuộc Thủ đô tại khu vực phía Bắc (vùng Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn). - Nghiên cứu xây dựng Khu đô thị mới cao cấp, hiện đại, đẳng cấp, đồng bộ về quy hoạch, không gian kiến trúc cảnh quan, khai thác triệt để hiệu quả quỹ đất; hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho khu vực.
ĐKCT 3	** Quy mô sử dụng đất: Tổng diện tích đất nghiên cứu theo quy hoạch khoảng 205ha, trong đó: - Đất giao thông: diện tích 53ha; - Đất hạ tầng - nhà máy xử lý nước thải: diện tích 4,05ha; - Đất điểm trung chuyển đa phương thức: diện tích 1,82ha; - Đất bãi đỗ xe: diện tích 5,70ha. - Đất giáo dục cấp đô thị (THPT): diện tích 1,36 ha, mật độ xây dựng 14%- 35%, tầng cao dự kiến 2-4 tầng;

- Đất giáo dục cấp đơn vị ở (TH, THCS): diện tích 3,70ha, mật độ xây dựng 14%-35%, tầng cao dự kiến 2-3 tầng, diện tích xây dựng khoảng 4.537m², diện tích sàn xây dựng khoảng: 13.162m²;
- Đất giáo dục đơn vị ở (mầm non): diện tích 3,36ha, mật độ xây dựng 14%- 40%, tầng cao dự kiến 2-3 tầng, diện tích xây dựng khoảng 8.204m², diện tích sàn xây dựng 24.613m²;
- Đất cây xanh Thành phố: diện tích 7,34 ha, mật độ xây dựng 5%, tầng cao dự kiến 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 3.669m², diện tích sàn xây dựng khoảng 3.669m²;
- Đất cây xanh khu vực: diện tích 33,92ha, mật độ xây dựng 5%, tầng cao dự kiến 1 tầng, diện tích xây dựng khoảng 16.958m², diện tích sàn xây dựng khoảng 16.958m²;
- Đất cây xanh đơn vị ở diện tích 9,41ha, mật độ xây dựng 5%, tầng cao dự kiến 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 4.703m², diện tích sàn xây dựng khoảng 4.703m²;
- Đất công cộng Thành phố: diện tích 5,45ha, mật độ xây dựng 20%-40%, tầng cao dự kiến 3-30 tầng, diện tích xây dựng khoảng 10.898m², diện tích sàn xây dựng khoảng 54.490m²;
- Đất công cộng khu vực: diện tích 1,65ha, mật độ xây dựng 20%-40%, tầng cao dự kiến 3-25 tầng, diện tích xây dựng khoảng 3.307m², diện tích sàn xây dựng khoảng 9.920m²;
- Đất công cộng đơn vị ở: 2,81ha;
- Đất công trình nhà ở xây dựng mới với tổng diện tích đất khoảng 71,45ha gồm:
 - + Nhà ở thương mại:
 - ++ Công trình nhà ở liền kề: số căn hộ dự kiến khoảng 1.200 căn, diện tích đất khoảng 35,63ha, tầng cao dự kiến 3-6 tầng, mật độ xây dựng 30%-40%, diện tích xây dựng khoảng 124.696m², diện tích sàn xây dựng khoảng 623.478m², diện tích sân nhà ở khoảng 623.478m².
 - ++ Công trình nhà ở biệt thự: số căn hộ dự kiến khoảng 250 căn hộ, diện tích đất 10,24ha, tầng cao dự kiến 3-6 tầng, mật độ xây dựng 30%-40%, diện tích xây dựng khoảng 30.729m², diện tích sàn xây dựng khoảng 92.187m², diện tích sân nhà ở khoảng 92.187m².

	++ Công trình chung cư cao tầng: số căn hộ dự kiến khoảng 1.550 căn hộ, diện tích đất 7,71 ha, tầng cao dự kiến 3-25 tầng, mật độ xây dựng 20%-40% diện tích xây dựng khoảng 15.428m², diện tích sàn xây dựng khoảng 293.140m², diện tích sàn nhà ở khoảng 120.342m². - Quỹ đất phát triển nhà ở xã hội: diện tích 17,86ha bao gồm: + Đất nhà ở xã hội cao tầng: diện tích đất 15,29ha, số căn hộ dự kiến khoảng 3.150 căn, tầng cao dự kiến 3-15 tầng, mật độ xây dựng 30%-40%, diện tích xây dựng khoảng 45.870m², diện tích sàn xây dựng khoảng 458.703m², diện tích sàn nhà ở khoảng 220.177m²; + Đất hỗn hợp có nhà ở xã hội cao tầng: diện tích đất 2,57ha, số căn hộ dự kiến khoảng 350 căn, tầng cao dự kiến 3-25 tầng, mật độ xây dựng 20%-40% diện tích xây dựng khoảng 5.143m², diện tích sàn xây dựng khoảng 51.428m², diện tích sàn nhà ở khoảng 24.685m²; <i>Công suất thiết kế và quy mô dân số nêu trên xác định trên cơ sở phân bổ dân số theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch phân khu đô thị N1 được phê duyệt. Công suất thiết kế và quy mô dân số cụ thể sẽ được xác định và cập nhật trong giai đoạn lập đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của Dự án.</i> ** Dân số: khoảng 21.000 người.
ĐKCT 4	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 6.1	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 6.1(a)	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 6.1(b)	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>

ĐKCT 7.2	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 9	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 10	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 11	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 14.1	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 14.2	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 15	- Trong trường hợp việc giao đất bị chậm tiến độ so với kế hoạch đã được duyệt, theo đề nghị của NĐT/TCKT, CQCTQ xem xét và chấp thuận việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án theo quy định pháp luật. Trong trường hợp này, các bên phải lập phụ lục điều chỉnh hợp đồng trước khi triển khai thực hiện. - <i>[Nội dung khác do các bên thương thảo]</i>
ĐKCT 16.3	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 17	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 19	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 20.1	Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà đầu tư được nộp thư bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng. Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng được lập theo Mẫu số 14 Phần 3 – Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của HSMT hoặc một mẫu

	khác nhưng phải gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo đảm thực hiện hợp đồng được người có thẩm quyền chấp thuận. <i>(Nhà đầu tư nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.)</i>
ĐKCT 20.2	Giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng: 298,6 tỷ đồng (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tám tỷ, sáu trăm triệu đồng./.).
ĐKCT 20.3	Nhà đầu tư được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực
ĐKCT 22	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 24.4	Nhà đầu tư cam kết hoàn trả chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Thông tư số 08/2022/TT-BTC ngày 09 tháng 02 năm 2022.
ĐKCT 26	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 27.1	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 27.2	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 27.3	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 29	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 30	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 31	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>

ĐKCT 32	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 33	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 37	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 38.1	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 38.2	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 38.3	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 39	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>
ĐKCT 40	<i>(Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, chủ trương đầu tư được phê duyệt, các văn bản liên quan của Dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, các bên hoàn thiện nội dung này).</i>

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ *[ghi tên và địa chỉ của nhà đầu tư trúng thầu]* (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư)

Về việc: *Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ *[Ghi số, ngày ký quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư]* của ____ *[ghi tên người có thẩm quyền]* (sau đây gọi tắt là Người có thẩm quyền) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án ____ *[ghi tên dự án]*, ____ *[ghi tên bên mời thầu]* (sau đây gọi tắt là Bên mời thầu) xin thông báo người có thẩm quyền đã chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng cho Nhà đầu tư để thực hiện dự án ____ *[ghi tên dự án]* với thông tin hợp đồng là ____ *[ghi thông tin như sau: Giá trị nộp ngân sách nhà nước.]*

với thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà đầu tư tiến hành đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Người có thẩm quyền, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian đàm phán, hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm ____ *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm ____ *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*.

Đề nghị Nhà đầu tư thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 14 Phần 3 – Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ mời thầu với số tiền là ____ và thời gian có hiệu lực là ____ *[ghi số tiền và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 37.1 BDL]*.

Văn bản này là một phần không tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà đầu tư phải có văn bản chấp thuận đến đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà đầu tư phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà đầu tư vẫn đáp ứng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu. Người có thẩm quyền sẽ từ chối đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà đầu tư trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại

của Nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án.

Nếu đến ngày___ *[ghi ngày cụ thể, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát hành văn bản thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng]* mà Nhà đầu tư không tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà đầu tư sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng*]

(sau đây gọi tắt là Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên nhà đầu tư*] là nhà đầu tư được lựa chọn để thực hiện dự án ____ [*ghi tên dự án*] (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) và cam kết sẽ ký kết hợp đồng để thực hiện dự án nêu trên (sau đây gọi tắt là Hợp đồng); ⁽²⁾

Theo quy định trong hồ sơ mời thầu (*hoặc hợp đồng*), Nhà đầu tư phải nộp cho Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] ở ____ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng* ⁽³⁾], xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện Hợp đồng của Nhà đầu tư với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 37.1 BDL*].

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng một khoản tiền hay các khoản tiền với tổng số tiền là ____ [*ghi bằng chữ*] [*ghi bằng số*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng thông báo Nhà đầu tư vi phạm Hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày ____ cho đến hết ngày ____ .⁽⁴⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng.

(2) Nếu ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [*ghi tên nhà đầu tư*] là nhà đầu tư trúng thầu dự án _____ [*ghi tên dự án*] (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) đã ký hợp đồng số _____ [*ghi số hợp đồng*] ngày _____ tháng _____ năm _____ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 37.1 **BDL**.

PHỤ LỤC: BẢN VẼ RANH GIỚI CỦA DỰ ÁN

